

TRẦN-QUANG-HIEN

TAI-SANH

« Tu là cội phúc
« Tình là dây oan »

Nguyễn-Du.

— PARIS —

TÁI-SANH

TRẦN-QUANG-HIỂN

TÁI-SANH

« Tu là cội phúc

« Tình là dây oan »

Nguyễn-Du.

— 1952 —

CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

Bên tình bên nghĩa	Tuồng hát	Hà Nội	1923
Hiền thê nghĩa bộc	— id —	Hà Nội	1924
Trung nữ Vương tân kịch	— id —	Giáp Định	1929
Không hiệp mà tan	Tiểu-thuyết	Biên Hòa	1924
Hoa thài hương thừa	— id —	Biên Hòa	1935-36

*Hồn ta quay mãi về dĩ-vãng
Nhu khách giang-hồ mộng cố-hương
Lòng ta khép lại giam kỷ-niệm
Nhu một nấm mồ chôn nhớ thương.*

I

Cũng như lệ thường, bốn giờ khuya hôm đó, vị sư-nữ trụ-trì chùa Phước-Huệ đã thức dậy công-phu.

Tuy tuổi quá ngũ tuần song trông Sư còn gọn-gàng tráng-khỏe lắm. Trời đông tháng rét mà Sư chỉ mặc chiếc áo tràng mỏng, đương lui cui cúng nước thấp nhang.

Đoạn, Sư gióng dứt hồi chuông rồi quì gối, cuốn kinh nhật tụng :

“*Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni (1) Phật! Nam mô...!*”

« (1) Thích Ca Mâu Ni. — Thích Ca : Năng-Nhơn ; Mâu Ni : Tịch Mặc.

« Năng nhơn là tâm tánh bao la hàm dung cả thủy.

« Tịch mặc là tâm thể vắng lặng, động tịnh không can.

« Hồi đời Châu, vua Chiêu-vương năm thứ 26, nhằm ngày mồng 8 tháng tư năm Giáp-dần (trước Chúa-giáng-sanh năm 1027), là ngày Phật Thích Ca giáng-sanh. Ngài sanh ra tại nách phía hữu của bà mẹ, liền đi bảy bước, chỉ tay mặt, hét giọng sư-tử-hầu mà nói : “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn” (trên Trời dưới Trời duy có một mình ta là tôn - trọng hơn hết). Chín vị long thần ở trên không trung phun ra thứ nước trong sạch đặng tắm cho Ngài.

« Ngài tên tộc là Tất-Đạt-Đa dịch là Đốn-Kiết : kêu là Thái-Tử Tất-Đạt-Đa.

« Đến đời vua Mục-vương thứ 53, nhằm ngày 15 tháng hai năm Nhâm-thân (trước Chúa giáng-sanh năm 949), Ngài nhập Niết-Bàn ở tại giữa cụm cây Ta-la, nơi đại thành nước Cu-thi-la, hưởng thọ đặng 79 tuổi. (Kinh “Kim - Cang”.)

Đêm vắng. Tiếng mõ lốc-cốc điểm vào giọng Sư ngâm nga, âm-ba gọn thoảng trong không gian. Chớp lia trên bàn Phật, thép đèn lưu-li dầu hao tim lụn, cháy rè-rè. Mái ngoài, ánh bình-minh lọt vô theo kẽ song khe cửa, in lên nền đất còn mờ sẫm đôi quệt sáng long lạnh.

Hành lễ xong, Sư vẫn ngồi lãn chuỗi bồ-đề, lim-dim nhập-định. Thình-linh Sư dường nghe có con nít khóc văng-vẳng trước sân chùa. Ban đầu, Sư còn làm ngơ bỏ qua ; nhưng giây lát sau tiếng khóc lại càng già, rộn rã thúc giục : “Tu oa ! Tu oa !”

Tấm lòng từ-bi bỗng xót-xa thắc-mắc, Sư bèn xô cửa ra xem. Thì quả nhiên, Sư thấy dạng một vật gì lù-lù dựa gốc tường hoa dưới làn sương sớm.

Sanh nghi, Sư xòm tới cúi xuống nhìn :

Một đứa nhỏ mặt mày còn đỏ lấm-lói, nằm ngo-ngoè trong cái bọc bằng manh mền xám cũ-rích cuốn tròn. Con nhà ai chữa non để lạnh rồi đem vớt nơi đây ? Tội nghiệp ! nó khát sữa bú tay, nút không ngót miệng.

Sư khẽ vuốt ve ; nó liền ngó sững Sư mà ré lớn :

“Ồi ời ! — Sư vừa ru vừa dỗ — Phải chăng nhà người là một bồ-tát thoát sanh ? Phải chăng vì quả kiếp non duyên nên nhà người tìm đến ta mà nhập môn cầu đạo ?”

Lạ chưa ! Đứa nhỏ như nó hiểu, vùng quơ tay đòi ấm và nín khe. Sư bối-rối phân-vân khó mà xử trí.

Nghĩ mình vốn phận tu hành lánh vòng tục lụy, các mối dây thân ái đều cắt đứt từ lâu rồi. Đến họ hàng ruột thịt kia còn chẳng phép bận-bịu thay, huống hồ với mụn con hoang này : giọt máu rơi của thiên hạ ! Vả lại núp bóng giả-lam làm dấu cho Phật, biểu mình trường trai khổ hạnh thì được, chứ công-việc ở vú coi em nhai cơm mớm sữa mình đâu từng ?

Mà có chắc nó là con hoang không ?

Hay chỉ là một đứa trẻ bị mất cắp ?

Nuôi nó đây, phỏng nó có mạnh giỏi ăn chơi lớn khôn thành đạt ? mà chứa nó đây biết mình có liên-can tội-lệ gì chẳng ?

Ngặt giao nó cho ai bây giờ ?

Sư vội ôm nó lên, căn nhắc lăm lăm :

« Chúng tề thiệt ! Muốn khuấy phá hẳn thiếu chi chỗ khác, hà tất phải gieo oan gây hoặc ho như-ưê nhà chùa... ? »

Có lẽ tại thuở nay Sư không quen bằng em, nên để nó chòi. đạp cách nào làm tuột hết chần-tã. Trong ấy lại lòi ra một bức thơ chữ Hán đề gởi cho Sư. Ngạc nhiên, Sư cầm đọc :

« Khải-Định tam niên trọng thu.

« Sư-cụ chùa Phước-Huệ nhấ giám.

« Bạch Sư-cụ,

« Tiểu sanh này ngưỡng mộ đại danh, những mong sẽ được cái hân hạnh làm một tên tín-đồ khoan tay hầu dưới « thánh-đường mà lãnh lời chánh-giáo.

« Hềm vì mình mắc án vua chí toan việc nước, chưa dễ « xuất đầu lộ diện, nên hãy cam lẫn-lút bước giang-hồ. Cùng « với bạn tào-khang sông Ngô bể Sở bấy nhiều lâu, gặp ai « cũng kín miệng gìn lời, ở đâu cũng trá hình giả dạng.

« Đành đã bút nghiên mà kiếm-mã,

« Thương ôi kim chỉ cũng phong-trần.

« Thành thử lương dầm mưa dãi nắng nghèo đói ốm đau, « thảm cho thân nhược chất liễu-bồ không được tôi bảo-toàn « khi sinh nở.

« Đương trong nôi mà bỗng dung mất mẹ, mảnh hài-nhi « kia — do huyết vợ máu chồng phối hợp — đáng lẽ tôi phải « coi làm một dấu-tích thiêng-liêng. Mà ra công gà trống nuôi « con, ngô mai chiều nó nổi nghiệp cơ-cừu chẳng kéo phụ « lòng người chín suôi. Chớ nở nào từ bỏ nó, rất đổi cặm « thú cũng không quên cốt nhục tình thâm, nữa là tôi ! Nhưng « sở dĩ tôi đành nhẫn tâm, chẳng qua tại còn duyên có khác.

« Bạch Sư,

« Phật dạy có luân hồi quá báo, hoặc chẳng đũa trẻ này « là một tang chứng hiển - nhiên, đó chi ? Tôi tin rằng nó « thiệt con ranh con lộn đầu thai lên, bởi để nó ra có những « đặc điểm dị-thường, in hệt mấy lần trước. Quả nó giống

« nó xưa như khuôn đúc : từ tiếng khóc nụ cười chơn mày
« khoe miệng..., cho tới cái bết son hình chữ *Son* giữa lòng
« bàn tay tả, nhứt nhứt đều trở lại không sai...

« Số là cách đây năm năm, vợ chồng chúng tôi muốn
« mang được chút con trai, vui mừng chi xiết. Phần thấy
» thẳng khôi ngô tuấn tú, chúng tôi thăm ước mơ cho nó
« nhiều sự nghiệp anh hùng. “Còn tre măng mọc còn chồi lên
« cây...” chỗ mình hoài bão bình sanh âu sẽ phó thác có trẻ.

« Té ra đầu độ sáu tháng thì nó chết ; lạ là trong lúc nó
« làm xung hấp hối, chúng tôi nghe nó bập-bẹ ú-ớ tự hồ trời
« gọi tên ai ? Thì đề cho nó mắc bệnh tả nhưng chạy chữa
« sao kịp ?

« Rồi thẳng mắng tảo-tân chặt-vật, thời gian qua, chúng
« tôi hầu xao-nhãng việc ấy đi. Chẳng dè hai năm sau, lần
« thứ nhì, tiện nội nhè sanh ”nó” nữa !

« Một hiện tượng về tự kỷ ám thị (2) ?

« Hay một quý-thai của vợ tôi ?

« Cũng lựa đúng tháng đó ngày đó mà ra đời ; cũng nó y
« nguyên hẳn hoi với hết thủy hình tích cũ.

« Chúng tôi để gì nao núng ; trái lại tôi còn ngỡ “nó” là
« bực thiên-thần thiên-tướng giáng phạm đặng phò nguy trị
« loạn định quốc an bang. Vị chi, sự nuôi nấng chăm nom
« rất tận tình chu đáo.

« Núi chùa nào linh chúng tôi cũng đem con xin ký bán ;
« hễ động nó vang mình sốt mảy thì khẩn cầu lễ bái, ăn chay
« năm đất nguyện cho con. Vậy mà chuộc mạng nó không
« khỏi.

« Cơ khổ ! nó chỉ đau xoàng như kỳ trước, mà tính ra nó
« chỉ sống có vừa giáp tôi-tôi. Có đều mới chừng ấy tuổi sao
« nó lại biết nói ?

« Vâng ! Chúng tôi rình bắt đặng nó nói, rõ ràng leo leo
« khi nó gần tắt hơi. Yêu ma gì nhập vô nó chẳng ? khiến nó
« cứ lập đi lập lại mỗi câu này, nhắc tới tôi còn rón tóc gáy :

“Tôi đây ! *Ngọc-Oanh* !”

« Thế ra nó đã có tiền-lân tiền-kiếp, song hãy còn vương
« mạng oan khiên nghiệp chướng nên linh hồn chưa siêu thoát
« tiêu-diêu. Hèn chi nó chẳng trở xuống trần, hai phen mượn
« xác vào nhà chúng tôi mà không ở được. Chắc đâu nó chẳng
« hòng về nữa, báo hại chúng tôi “tò-vò nuôi nhện” chớ nó
« nào phải con ? Gia dĩ vợ tôi non gan yếu tánh biết chịu có
« kham, nếu cái quái trạng kia còn tái diễn.

« Muốn cho dứt hậu hoạn, tôi thỉnh nhiều vị thiền-sư
« đạo-sĩ ếm đối giùm. Chẳng những vậy, chúng tôi còn cứ
« găn-gửi nhau ngót một năm chẵn.

« Ấy mà rọt hời cũng vô hiệu ; hình như bao giờ cũng
« có nó hờm sẵn đặng chờ cơ hội trùng lai. Thương thay,
« chuyến này vợ tôi lâm bồn là banh da xé thịt cho nó lăn
« cuối cùng để mà giã-từ dương-thế. Ngồi mộng nứt lên thì
« nát liền hột giống..., nó đã tranh sống với mẹ nó thì tội trời
« tôi chịu — đạo nghĩa gì còn nhận nó là con.

« Vả như tôi, bơ-vơ lữ-thứ, giữa đường ca khúc cổ-bôn;
« lẻo đẹo trùng sơn, đòi bữa ngậm hồn tinh-vệ. Nên đưa trẻ
« “xấu háy” thả gởi lại, đặng rồi nó qui-y thọ ký, nhờ ơn Sư
« thế độ cho. Nhờ ơn Sư chỉ bảo mở mang, may ra ngày sau
« nó đoạn căn tuyệt dục xa chốn mê đồ, không nữa thì nơi
« trường phú quý lợi danh nó cũng đủ tài-đức mà kiến công
« lập nghiệp.

« Chẳng hơn na nó theo ; trứng nước mỏng manh, chia
« số phận bèo trôi sóng vỗ ; nhớ lúc đẹn sài cảm mạo mới cậy
« ai săn-sóc đỡ thay.

« Thôi, không sanh có dưỡng, trông Sư mở lượng hải-hà;
« mất hiếu còn trung, nhấn trẻ chớ tìm cội rễ.

« Trăm lạy vĩnh biệt.

« Đôi lời thác cô.

II

Mấy lúc sau, ai có dịp đi ngang chùa cũng đều nghe Su ở trong “âu ơ ví dẫu” hát đưa em. Láng giềng tọc mạch dòm nom, Su bảo là mới xí được đứa trai chưa đầy tháng. Họ xăm-xì Su mắc nợ thặng nhỏ đó, chớ không thì tội gì chẳng cho phứt nó cho người ta nuôi. Để chi mà hằng ngày phải thấy Su đến năn-nỉ từng nhà nào có con dặng gởi nó bú thếp.

Định ninh rằng thiên cơ bất khả lậu, nên khi khai báo với làng sở tại, Su tuyệt nhiên giấu kín chuyện búc thơ. Và thế theo cái bút son nó giữa lòng bàn tay, Su đặt pháp danh trẻ là *Son-Huệ*...

Cho hay đức Phật hiếu sinh phù-trì che-chở, em Son-Huệ còn tấm bé búp măng phải chịu rời nôi thiếu sữa, thế mà vẫn sỡn-sơ cứng-cáp thiệt không ngờ. Hoặc giả những Chân-tinh La-sát (1) gì cũng trọng bụt nề Su nên chẳng dám bèn mắng.

Lụi hụi rồi em biết lật biết trườn, làm mưa... làm xấu... Mụ bà khéo dạy em có duyên có nết rất dễ yêu. Cửa thiền tuy vốn chỗ trang nghiêm vậy mà nhiều khi Su cũng khó nhịn cười đùa trước mỗi bộ tịch tánh-tĩnh của trẻ thơ vô tội.

Nhưng lần lần sao xem nó đổi khác : ưa trầm-ngâm lặng-lẽ hơn là nghịch-ngợm lạnh-chanh. Lúc nào gương mặt nó cũng đượm vẻ buồn, mà hễ có ai hôn nựng tặng tiu thì nó lại nung-nảy vùng-văng không tỏ dấu thân-mật.

Đồ chơi chí kẹo bánh Su mua cho, nó chỉ cầm qua rồi bỏ đấy; vừa đi lấm-đẫm được nó đã mon-men ra ngoài sân. Hai tay nó chập chờn như đón tiếp một người khách xa xăm ;

(1) Loài yêu-tinh bắt con nít, theo tục truyền.

cặp mắt nó đảo-dác như kiếm nhìn một phương trời mơ mộng.

Câu nói vỡ lòng nó dường hưởng ứng theo một tiếng gọi huyền-bí ẩn-vi :

“Tôi đây ! *Ngọc-Oanh* !...”

Mãi cho tới lớn, tỉnh-thoảng lúc ngồi sông nghĩ vấn, bất giác trong miệng nó lẩm thăm mớ nhảm câu ấy luôn. Tự nó, nó cũng dụi mình không hiểu.

Ngọc-Oanh của nó là ai ở đâu kia ? Có quan hệ gì với nó nên nó kêu tên ? Đặt mà ơn trả nghĩa đền, hay đặt mà đòi lại mạng xưa duyên trước... ?

*

* *

Thoi đưa thắm thoát, đến tuổi em Sơn-Huệ đã mười lần hạ lại xuân qua. Sự khởi sự tập nó gõ mõ động chuông, thức khuya dậy sớm. Dầu còn thơ ấu chó chủ tiểu ta thiên tư tài mạo tốt vời. Chẳng những am tường Kinh-Luật mà còn lầu thông thi-phú văn-chương. Các tao-nhân mặc-khách đến viếng chùa thăm Sư, có câu vui hạc khảo nó về ngôn ngữ thánh-hiền, đều được nó đối đáp trôi chảy. Họ phải khen tặng là thân-đồng.

Ngặt cứ như thuyết “vọng sanh tương tục” mà suy, Sư thường ngại cho nó còn nhiều trái oan sợ tu không trọn. Nhưng tới đâu hay đó, Sư vẫn cố uốn nắn dặt-dìu. Trách-nhiệm ấy, Sư đã vì bức chúc-thơ mà đảm-nhận.

Người để chúc-thơ bấy chừ biệt tích ; trẻ nường am-tự cam-phận mỗ-côi. Lắm lúc tình cờ nó hỏi thăm gốc gác mẹ cha, Sư cảm tưởng địa-vị mình không khác chi “vợ chưa cưới” đứng góa mà nuôi con chồng(2). Đánh là anh chồng nặc

(2) “Vợ chưa cưới”, đứng góa mà nuôi con chồng. Dẫn truyện :

« Kim-thị, vợ chưa cưới của Trương-văn-Bảo. Văn-Bảo « ốm sắp chết ; nàng nghe tin, xin với bố mẹ muốn đi thăm. « Bố mẹ nói : “Hắn đã có vợ lẽ lấy trước, người họ Bao, đã « có thai. Nay hắn sắp chết, con đi làm gì ?” Kim-thị : “Sắp

danh trong thí dụ đó thôi, song đòi con trông trẻ rồi phưởng phất đến người, Sư bỗng cũng xén-lén thẹn-thường như vừa phạm một giới-cấm...

Sẵn có trường dưới tỉnh, Sư mới đưa trẻ thọ giáo, ngày hai buổi sớm đi tối về. Học - trò trương lư hay trêu chọc khuấy rầy, mà nó khéo chiều-lụy nhún-nhường biết thân thù phận. Lâu rồi thầy yêu bạn mến, nó giữ mực siêng năng chăm chỉ, không cậy mình sáng láng mà dễ-duôi. Nên nó tấn-phát thiệt mau, năm nào cũng đứng vào hạng nhứt nhì trong lớp.

Mười ba tuổi nó đỗ bằng sơ-học ; mô phật ! chớ phải sanh nhầm nhà khá dả ắt nó đã vô luôn trường lớn ngồi ban thành-chung. Cái này Sư thì già nó chẳng nỡ lia xa ; phân lại chùa cũng nghèo, đâu có thể châu cấp nó tiền áo cơm sách vở. Huống nó vốn quen nấu sòng chay lạt, nay nếu tính đeo đuổi nữa mới sao khỏi cái trang ngã mẫn, bỏ Đạo mà theo Đời. Nên nó đành tạm gác bút nghiên chuyên lo kinh kệ.

Tuy vậy, hễ thừa nhân rồi việc, nó lên mượn văn-bài của

» chết mà không đi, thời lúc nào đi ? Họ Bao có thai khác gì « thai của con ». Cứ cố xin đi, bố mẹ phải cho đi. Lúc đến « nơi, mới tiếp mặt mà Văn-Bảo chết ngay. Kim-thị làm ma, « giữ tang, như vợ chồng đã lâu. Họ Bao sau để được con « trai, nhà nghèo không đón được thầy học. Kim-thị tự dạy « cho học sách, rồi đưa con ấy đỗ tiến-sĩ, làm đến chức quan « to. Kim-thị đến khi ấy nhân làm bài thơ để nói chí-thú « rằng :

« Ai bảo thiếp không chồng ?

« Thiếp còn được thấy chồng đương chết.

« Ai bảo thiếp không con ?

« Vợ lẽ để con cũng như thiếp.

« Con đọc sách,

« Thiếp dệt gai ;

« Đêm nghe tiếng quạ kêu ngoài buồng không.

« Con đã làm nên, thiếp đứng góa ;

« Hồn ai chín tuổi yên chăng tá ? »

Trích ở “Đài gương kinh” (Nguyễn-khắc-Hiếu).

anh em đem về chép lại, để lần mò học lóm thêm. Thế mà nhiệm mầu thay ! nó thuộc hết các giáo khoa trung đẳng.

Mười bảy tuổi nó ra thi “tốt nghiệp”, ai cũng lấy làm lạ mà thấy lần đầu tiên một chú tiểu kiêm hai thứ chữ ứng cử khoa trảng. Mà cũng là lần đầu tiên trong phái lãng-đồ ở Trung-kỳ, cái tên Sơn-Huệ được hoan-nginh chú trọng.

Vừa gặp phong-trào tuyên-dương Phật-giáo, nó bèn xin ứng mộ theo đạo binh cứu thế, làm tên lính từ bi bác ái trên con đường tự giác giác tha.

Sư cũng rất tùy hĩ tán thành, cho phép nó ra Bắc vào Nam, học hỏi với Chư sơn đại-đức.

Chẳng bao lâu mà nó bắt lăm quăn kinh quán thông giáo lý ; đến năm 21 tuổi nó thọ “cụ túc giới” tại trường kỳ chùa Diệu-Đế, được Ngài chứng minh hòa thượng lựa làm Thủ chúng sa-di (3).

(3) Sa-di. — Có bốn bậc tu hành theo kỷ luật đạo Phật :

a) Bậc “ngũ giới” là bậc phổ thông cho các hạng thiện nam tín nữ (ru bà tặc, ưu bà di). Năm giới ấy là :

- 1) Không được sát sanh.
- 2) Không được trộm cắp.
- 3) Không được thông dâm.
- 4) Không được nói dối.
- 5) Không được uống rượu.

b) Bậc “thập giới” để cho những người mới nhập giáo hội, mới vào thụ giới gọi là sa-di, nghĩa là tiểu sa-môn, ta gọi là tiểu (novice). Bậc này gồm có 5 giới trên và thêm 5 giới nữa :

- 6) Không được dùng những chất thơm tho (dầu thơm, nước hoa, v. v.).
- 7) Không được nghe đàn hát, không được coi nhảy múa.
- 8) Không được nằm giường cao chiếu rộng.
- 9) Không được ăn lắm bữa nhiều thức.
- 10) Không được giữ vàng bạc châu báu.

c) Bậc “cụ túc giới” gồm đủ 250 giới trong Kinh Ba-la-

Từ đó khi trong báo chí, khi trên giảng đàn, phàm có bàn luận về những vấn-đề hoằng pháp lợi sanh, thầy Sơn-Huệ đã từng tỏ ra là bậc quảng kiến đa văn, túc căn thâm hậu...

Song riêng thầy ta cũng dư biết mình trần duyên chưa dứt ; mấy tiếng “Tôi đây ! Ngọc-Oanh !” há chẳng là một tà tâm vọng niệm nó cứ vấn vương quyến rũ kẻ tu trì ? Há chẳng là một thề hứa hẹn ợi xưa mà kiếp lạc loài nầy linh hồn mình mãi băn khoăn tưởng nhớ !

Thầy bèn chí cầu nguyện sám hối, nhưng không sao xua đuổi nổi câu oan gia tội báo kia. Mặc dầu giữa bữa ăn giấc ngủ hay đương giờ tĩnh tọa tham thiền, nó vẫn từ trong tiềm-thức (4) ứng thình lên, đột ngột tự do, như đặng nhắc nhở thầy bao nhiêu hình ảnh lờ-mờ của Quá-khứ !

Lại nữa, cái bút chữ “Sơn” (1) càng ngày càng đỏ thắm : một dấu vết lưu lai bất hủ để tố giác căn-do nguyên thủy thầy với thế-gian đây ư ?

Bồng đầu Sư đau nặng ; trước khi tịch-diệt, ngài gọi thầy đến gần mà phú pháp và trao lại bức chúc thư.

Không rõ thầy suy nghĩ thế nào mà xong cuộc di quan nhập tháp cho Sư thì thầy liền đóng cửa chùa rồi đeo bầu quẩy níp ra đi..., hạc lánh mây bay, tuyết vô âm tín...

đề-mọc-xoa. Bạc nầy là bạc sa-môn, phải theo đủ mới mong tu hành đắc quả được.

d) Bạc thứ tư là “ngũ thập bát giới” gọi là tam-tụ-thành, hay là tam-tập-thánh nghĩa là kiêm đủ ba đạo thành.

58 giới ấy gồm có 10 trong giới và 48 tâm khinh giới. Phải theo đủ mới mong tới bậc bồ-tát hay là toàn phật.

(4) Subconscient.

III

Người ta trong vòng sanh tử triền miên, không phải mỗi ai cũng đều đặng cái duyên may mà tổ ngộ chỗ nghiệp chướng vô minh, tiền nhân hậu quả.

Như thầy Sơn-Huệ đây : vì còn bị rịn cõi trần nên còn mắc báo thân chuyển kiếp ; hiện đứng trước thời-gian và không-gian lạ lùng bỡ ngỡ, khắp lục đạo luân hồi (1), tam thiên thế giới (2), món nợ lòng thầy mới tính trả về đâu ?

(1) Lục đạo luân hồi: — Sáu đường đầu thai (gati) :
Thiên (dêva) tức là thánh-thần, còn lòng lười biếng ;
Nhân (người) còn lòng lạnh dữ ;
Atula (asura) tức là một loài quỷ, còn lòng hờn-giận ;
Ngạ quỷ (prêta) ;
Súc sanh ;
Địa ngục.

(2) Tam thiên thế giới: — Bốn châu thiên hạ :

Nam — Diêm phù đề ;

Đông — Phất bà đề ;

Tây — Cù và ni,

Bắc — Uất-đan-việt,

chịu ánh sáng của mặt nhật, mặt nguyệt, là một tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới như vậy làm một tiểu thiên ; một ngàn tiểu thiên làm một trung thiên ; một ngàn trung thiên làm một đại thiên. Mỗi một đại thiên có một vị Phật hóa-độ.

Thành ra tam thiên thế giới gồm có ba mươi ba ngàn triệu (33.000.000.000) thế giới — tam thiên đại thiên.

Nhân loại ta ở nhăm châu Diêm phù đề, Phật hóa-độ là “A-di-đà”.

Vả từ thầy huòn tục tới nay, ngót đà hăm mấy tuổi đầu, sao đời vật đổi kể xiết bao, thì cảnh cũ người xưa để chi tìm lại gặp ? Mà có gặp nhau chăng nữa, e thay cũng hững hờ bèo nước, bụi hồng lăm lạp ai nhìn được í ?

Cuộc đời mình lưu luyến dở dang, thầy nghiệm ra nó có thì không chung, dây dưa bất tận. Không lẽ rồi trên sân khấu ta-bà (3) đóng vai trò tứ khổ, cú thoát chốc mà *lớn, già, đau, chết...*, mình luống chịu vãn xây quanh quẩn in những con hình tự-động ở chiếc “đèn xẻ rãnh” (4) dêm rằm trung-thu !

« Nhứt thế hữu vi pháp
« Như mộng, huyễn, bảo, ảnh
« Như lộ diệt như điện
« Ứng tác như thị quan. »
Kinh “Kim-Cang”

(Những phép hữu vi ấy
Như chiêm bao huyễn mị
Bọt, bảo, bóng, chớp, mù
Nên tướng đều như vậy.)
.....

Chi bằng bỏ hết mê chấp, phủi sạch trả vay, vượt bể trầm luân, nhắm bờ giải thoát. Vì ngày trời được rộng, hẳn mình thêm lấy công chuộc tội, hộ-tri tam bảo phổ-độ chúng sanh, chớ sao ?

Thầy phát tâm xả thân hành đạo.

*

* *

Từ giã chùa Phước-Huệ ra đi, thầy giốc cái danh diệt

(3) Hay là Sa-bà, dịch âm tiếng phạn, trong kinh phật gọi cõi đời là cõi Sa-bà, nghĩa là cõi đời phải chịu sự khổ não.

(4) Đèn xẻ rãnh là thứ đèn “hát hình” bong đủ nhưn vật sông núi và thấp đèn cây đèn sáp bên trong. Thót đèn quấy tròn trên một cái cốt, những hình kia dọi bóng ra ngoài lồng, trông như cử động thiệt. Có người bong khéo đến diễn tả được những lớp tường tàu xưa.

tánh, ôm theo mình đoạn lịch-sử mặt-nhiệm huyền-vi. Rồi kiếm một nơi hoang vu hẻo lánh ẩn-dật về sau ngõ tiện bề tu tập.

Đôi khi mưa gió lộ-dỗ, thầy chẳng quản tri bình khát thực ; đối với kẻ nghèo nàn vất-vả thầy lại có cảm tình riêng. Hột cơm xin của mấy nhà vách đất lều tranh, thầy coi nó quý hơn là miếng cao lương chốn lâu son gác tía.

Lê gót phiêu linh thầy trải qua nhiều am thất ; tuy tới đâu cũng được ân cần khoản-đãi nhưng chưa chỗ nào vừa ý cho thầy đành trú chân.

Trong lòng thầy thường rạo rức một u-buồn, một niềm hoài-vọng khắc-khoải bông-lông mà tiếng mõ câu kinh không đủ sức phui pha khóa lấp. Những lúc ấy thầy dường quên phận bần tăng khổ sĩ ; thầy hết định làm khách bàng quan xem thế sự ; cạnh lò sống bên ngoài tung bùng ấm áp, thầy muốn đem hơi sưởi mảnh hồn mình quạnh-quẽ cô-đơn...

Cả tháng tròn, thầy như chiếc thuyền trôi mà một bến vô danh ngấm ngấm hấp dẫn. Từng buổi chiều tà dọc đảng thiên lý, ngọn đèn đầu hôm lập-lòe trong xóm, giống chừng những con mắt thân thuộc... lưng trông tựa cửa ngóng ai về !

Thầy giục bước nôn-nao hồi-hộp...

IV

Đêm nay thất tịch (1), sương nặng sao mờ, nhà nhà hầu yên giấc. Duy còn có thây là hành nhân nẻo vắng, cô thân chích ảnh, thui-thủi canh tàn.

Thầy lăm-lủi đi..., dò-lần khúc dốc quanh co, thôi-miên bởi ngọn đèn xa dọi lưng đời mà mỗi nhấp-nháng là một hiệu triệu uy-nghiêm khẩn-cấp.

Quái lạ ! Thầy nghe vô cùng phấn khởi và nhận ra đường đất mây-mạ hơi quen. Mạo hiểm, thầy cứ nhắm bóng sáng mà mer tới.

Lên khỏi dốc, một tòa dinh thự nguy nga chắn ngang trước mắt ; mà cũng không còn ngã khác đặng thầy rẽ theo. Thầy mắng tấn thối lương nan ; trời lại bắt đầu vùn vủ.

(1) Thất-tịch :

« Hai sao Khiên-Ngưu và Chức-Nữ đứng cách nhau ở
« hai bên bờ sông Ngân. Mỗi năm cứ đến đêm thất-tịch,
« bóng sông mờ đi và thường mấy ngày mới lại rõ.

« Tương truyền rằng sao Chức-Nữ nguyên là cháu gái
« đức Thượng-đế, siêng năng dệt cửi, ngày đêm không nghỉ
« chút nào. Thượng-đế cảm thương, mới gả cho chàng Khiên-
« Ngưu. Ham thú vợ chồng, từ đấy Chức-Nữ chẳng tưởng
« gì về việc canh-cửi nữa. Thượng-đế giận, bèn ngăn cách
« hai người : một ở bờ đông sông Ngân, một ở bờ tây. Mỗi
« năm, cứ đến ngày mồng 7 tháng bảy mới cho được một
« lần sum-hợp. Ngày sum-hợp phải do chim quạ bắc cầu để
« sang sông, cho nên lông quạ đến ngày mồng 7 tháng bảy
« thì trụi lủi mất cả, vì vừa phải đi bắc cầu về. »

Trích ở “Tinh-sử”,

Truyện dịch của Trúc-Khê.

Mây kéo mịt-mù, gió lùa vùn-vụt, tư bề sấm dậy chớp giăng. Thấy phải tạm núp gần cửa tam quan mà chịu trận.

Phút chốc mưa chan tằm-lã ; thầy lạnh quá run lập-cấp, quần áo ướt loi ngoi. Túng thế thầy bỏ chạy vô sân, leo mấy cấp thêm lính dụt dưới hàng ba chờ tạnh.

Bên trong, ánh đèn dòn-dọt xuyên qua lớp cửa sổ lộng kính khép he-hé, thập-thò rọi liếm hiên ngoài. Người nhà hầy còn thức to-nhỏ rù-ri ; một bản “kèn hát máy” lạnh lốt du-dương.

Gọi tánh hiếu kỳ, thầy xích lại nép mình sát tường vôi, rồi sẽ lên nghiêng tai ghé mắt.

Gian phòng thật rộng rãi, tất cả đồ trần thiết toàn hoale cực kỳ. Ngay căn bìa, thầy chú ý cái tran sơn son thếp vàng phủ màn lụa đỏ. Kế đó là bức bình phong chạm lộng, hai cánh giữa để ngỏ dặng thông qua phòng khách, phòng ăn. Tận góc trái, trước tấm gương khổng lồ, đôi vợ chồng trẻ trung dựa ngửa trên hai chiếc ghế giao đầu, đương nó đùa trững giỡn với cậu con thơ. Đứa bé độ lên năm chập chững rượt theo quả bóng cao-su mà cha mẹ nó thay phiên nhồi bắt. Hễ nó sắp loay-hoay trượt ngã thì vợ vàng có bàn tay yêu dấu chực đỡ dậy liền. Cuộc đoàn viên ngây-ngô mà êm-dềm vui thú thay ! Thầy rình coi mê-mẩn.

Bỗng từ cửa buồng mé chái, một bóng người vén rèm bước sang. Người ấy vừa quở yêu :

“Ồ thăm vậy sao mấy con ?” — vừa vói bật núc đèn hơi trong vách.

Tức khắc, ba dầy chúc-dải trên trần cùng chói lợi, túa sua muôn đạo hào-quang. Thầy trông rõ là một bà trạc chừng năm mươi, mái tóc đã nhuộm srong mà vẻ đẹp hiên hậu mơ màng như pho tượng hy-lạp cổ.

Đứa bé mừng kêu “Ngoại ! Ngoại !” và đeo đòi xấn bản, chung quanh. Bế cháu vào lòng, bà lại ngồi lên bộ ván dài, đối diện cùng con rể.

Nãy giờ thầy Huệ-Son đứng trân yên lặng, trong trí óc lau-chau nhiều ý-nghĩ bâng quơ. Sau lưng thầy trời mưa ngớt

hột rời ; mấy lần thầy toan dời chơn nhưng rút đi không nổi !

Người đòn bà kia có yêu thuật gì làm thầy đem triu mến ? Đứa bé kia được chất chiu căng dưỡng khéo tiêu biểu một cảnh gia-đình hạnh-phúc mà bấy lâu thâm tâm thầy tưởng vọng khát khao !

Sao tới đây thầy hết muốn trở lui ? tới đây là lọt vào cái giờ phút nghiêm trọng nó sẽ lôi cuốn đời mình..., là đến nơi hội ngộ với ai đâu mà từ trước chắc cùng nhau có nặng lời giao kết ?

Nói vậy, cũng như một thiên tính đã hướng con chim Việt-ngựa Hồ về nước tổ, thì hôm nay một định mệnh trở-trêu lại đưa thầy về chỗ hẹn, cho đâu hiện tình thầy chẳng còn nhớ biết chút mảy may !

.....
Họ trò chuyện âu-yếm đậm-đà, thầy lắng nghe câu được câu chăng.

Bất đồ người đòn bà ngược mặt ngó lên trong khi thầy lấp ló chán chường không dễ phòng kịp. Lỡ trốn thầy cũng nhìn chống lại ; bốn con mắt trao-tráo dường hỏi han tra gạn nhau lờm lờm.

Thầy bủn rủn sững sờ, rồi như cung chiêu thú phục, thốt nhiên thầy ập úng lâm dâm :

“Tôi đây ! *Ngọc-Oanh* !”

Bà biến sắc...

Chiếc đồng hồ treo lỏng buông chín liếng trầm bổng ngân-nga. Cái máy hát vừa dứt bản thoạt ngừng ; con rế bà mắc lạng-xăng kể lên dây thieu, người đối đĩa thay kim.

Thừa lúc chộn rộn bà xăm xăm thẳng tới phía thầy. Đoạn xem chừng ai nấy không hay..., bà vùng mở toang cửa sổ, gie mình dòm ra.

Thầy kinh hãi thụt lùi ; bà cảm động ngập-ngừng, che miệng nói với theo, dập-dính trong hơi thở ;

“Tôi mong anh ! Mời anh ngồi tạm ghế ngoài, đợi lát nữa tôi rảnh khách”.

.....
Thầy riu-riu vâng lời...

Lỡ đường đêm hôm, thầy còn phải liệu nơi tá túc ; chớ ở đây giàu sang cách biệt, mong gì họ một tiếng mời lời. Vậy mà người đờn bà kia biểu thầy ngồi đợi đã !

Hay trúng mình là kẻ thiên lâm, bà mới sẵn lòng niềm nở ; song xét cũng vô lý, bởi thuở đời nay ai lại gọi thầy sãi bằng anh ? Hoặc bà nhìn lầm chăng ? Hoặc không chừng có ẩn-tình chi trong hãnh-vi thái-độ ấy ?

Một chập lâu, thầy nghe mé sau có tiếng xe hơi rồ máy, kẻ sang số chạy.. xa... xa lãn. Thầy thử dòm vô thì trong nhà trống trơn chẳng còn ai hết.

Đồng thời trên thang lầu đi xuống ,một người tó già tiến ngay lại cửa cái, mở khóa và đẩy nhẹ hai cánh ra. Thấy lệ làng thối bộ về ngời nguyên chỗ cũ.

Người tó vắn đèn ngoài lên. Ý hẳn va còn ngờ vực đều chi nên vẫn đứng nhấp nhứ dựa thêm, ngó quanh ngó quất. Vừa trông thấy thầy, va liền bước tới thi lễ, kính cẩn thưa bày :

— “Chủ gia tôi xin cãm Ngài dùng cơm... Còn nửa giờ nữa mới ngồi bàn ; không dám nào thỉnh Ngài theo tôi lên phòng Ngài trước.”

— “Phòng tôi à ?” — thầy ái ngại hỏi phăng.

— “Vâng ! phòng riêng của Ngài. Nguyên chủ gia tôi đã sắp đặt cho đêm nay Ngài có chỗ nghỉ ngơi.”

Nói đoạn va quay vào, dặng tay banh cánh cửa qua một bên, rồi cúi đầu đón khách. Khó bề thoái thác, thầy chỉ còn có nước để mặc hẳn dẫn đi.

Gặp phải trường hợp éo-le ly-kỳ, thầy bán tín bán nghi, không chắc rằng mình đương tỉnh hay là mộng...

Khỏi một dãy hành lang, người tớ già đưa thầy tới thang gác ; trên cái bàn gần đó thầy thấy chất hai ba thùng cây nhỏ, thứ thùng của thợ quán được-phòng gì vừa gửi đến mà chưa khai. Tuy chẳng buồn quan tâm, nhưng thầy cũng đọc rõ danh hiệu chủ nhân để trước địa-chỉ :

“Bà Ngọc - Oanh”

.....
Ngọc-Oanh nào ?

Thầy tá hỏa chung-hững !

Ngọc-Oanh nào mà thầy vương vùi đa mang trong tâm hồn, trong linh tính ? Còn Ngọc-Oanh nào bằng xương bằng thịt ngoài thực-tế vậy ha ? Nếu là cùng một tên một người thì lộng giả thành chơn, sự thế mới thêm lá lay quái dị !!

Mình với ai âu hẳn có nợ nần duyên kiếp ; mà hăm mấy thu dư công trình mình tu-luyện sao chưa tiêu rồi cho giùm. Hay chỉ còn gấn vó đeo-đai, bề trần giờ tái ngộ nhau, chuyển đồ đôi ngã ngược xuôi cam trặc-trở.

Không khéo rồi trên đường thoát lý thầy bị Ma-vương toan cám dỗ ; thầy bỗng dùng chơn khiếp sợ, kể mình như đã lâm vào trận tả đạo bàng môn...

Người tớ nhùng bước đỡ thầy lên thang ; thầy chẳng dám nói rằng, duy nắm tay bắt ấn Quan-Âm và nhóp nhép niệm câu chú lục tự đại minh cho trấn-định :

— “Âm Ma Ni Bác Rị Hồng...”

Mở phòng cho thầy xong, người tớ trước khi cáo lui còn dặn dò kỹ lưỡng :

— “Chủ gia tôi thành thật mời Ngài cứ tắm gội thay đổi tự tiện cho. Khỏi phải tị-hềm câu-nệ... Đúng giờ ăn tôi sẽ lên nắm lại ; có cần dùng chi khác, phiền Ngài chịu khó gọi chuông.”

Đợi va khép cửa trở ra, thầy mới tò mò rảo xem khắp trong ngoài qua một lượt. Từ phòng ngủ... buồng tắm..., chỗ nào cũng bài trí xa hoa lộng lẫy ; họ tiếp đãi thầy tiêm tất là thế, còn thiếu gì nữa kia ?

Trên giường đã sắp sẵn bộ áo quần tây, lại kèm cả sơ-mi, cổ-bầu, cà-vát... Dưới tấm thảm có đôi giày, trong

giày có đôi vớ và chiếc vót... ; mỗi món đều mới tinh sang trọng, thầy cắc có mặc thử, thì ô hay ! nó khít khao vừa vặn dường dặt riêng theo kích thước ni-tắc thầy. Ngắm soi trước giá gương, thầy cũng công nhận cho dung-mạo mình ra vẻ phong lưu nho nhã. Ví dùng có ba dấu “trường hương” để theo, để thường thiên hạ đã phân biệt được thầy với hạng tân học văn minh,

Nhớ tới câu “có cần dùng chi khác” vừa rồi, thầy bắt mỉm môi cười nhạt. Họ làm gì mà sắm đủ y-phục ấy, và thầy nhắm không phải của chú rể, vì hình vóc thầy quả mảnh mai nhỏ thó hơn nhiều. Tuồng như họ có dự định cuộc gặp gỡ đây, tuồng như họ đã tiên-tri mặt mũi tuổi tên thầy bằng phép thần-bí nham-độn ?

Ngặt là đệ tử Phật, thầy sao được cỡi lột bỏ-vải mà ăn vận theo thời trang ? Lại trong gói hành lý du phương cũng còn một áo vàng, một quần nâu, vậy thầy hằng xin yết kiến chủ nhân với biểu hiệu nhà chùa, gấm không đến nỗi bất hợp nghi, thất lễ..

Người tớ đứng ngoài tầng hăng, thầy sửa soạn đã chỉnh-tề. Lúc cùng va xuống thang, thầy thăm lựa trước mấy lời trần tạ :

— “Mô phật ! Bản đạo muôn đời ơn chiếu cố, chỉ thẹn mình phận hèn đúc bạc không đáng bận lòng Nương nương đó thôi !”

VI

Thầy khúm núm vô phòng khách.

Người tớ vội quảy gót, bỏ thầy lơ láo một mình.

Văng chủ nhà ; ngồi chờ sông, thầy đưa mắt dòm quanh. Ngay mặt thầy có treo bức họa-tượng đờn ông mà thầy trông thực giống mình như tạc. Thậm chí mớ quần áo thầy vừa xốc xỏ đó sao nó cũng tương tự với bộ đồ trong chơn dung !

Là ai nữa đây ?

Ờ bài toán thầy đờn tính chưa ra, lại còn lời thêm một số vị-trí(1) mới. Rắc-rối biết chừng nào... !

Bám tay vào thanh cửa bình-phương, Ngọc-Oanh phụ-nhơn lần bước dùm-dặng, đi không muốn vững. Nghe động, thầy đứng dậy day qua. Hai người vái chào nhau, ké-né rụt-rè ; thời gian in gián-đoạn tại phút này, và tuy gần trong gang tấc nhưng họ dường xa khuất tận vô-cực vô-biên. Thầy đem quên hết cái câu khai-mào mà hồi nãy đã nhại hờ cần thận. Tội nghiệp ! họ chỉ nhìn nhau trân trối, chẳng ai mở miệng ra lời. Hèn lâu, thầy đánh bạo lên tiếng :

— “Trang-phục kẻ tu hành có quê mùa thô-lỗ, mong Nương nương tha thứ cho.”

Bà nhếch nụ cười :

— “Tôi mô dám ép...”

.....
Tâm tâm tương ứng, họ hiểu nhau ngoài lối chuyện vắn thông thường. Những lời họ khôn phát âm được, đầu cũng bay vắn lưng chừng, thành một thứ vô-tuyến điện báo giao cảm họ trên tầng không. Có như khúc nhạc tiên giữa hội bàn

(1) Inconnue (mathématique).

đào, đôi linh hồn họ đã theo một mạng linh tối cao mà hòa
thình tiết tấu.

« Tưởng bây giờ là bao giờ,
« Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao. »

(Nguyễn-Du)

Thầy cố gọi trong ký-ức, thử tìm lại chút vang bóng
ngày xưa. Chẳng hay chỗ ni người ấy thầy quen biết tự thuở
nào ? mà có chi thầy lâm le quì mọp dưới chơn ai, ngõ dò la
về túc-trái tiền sinh (2), ngõ biểu bạch nỗi hoài nghi thốn-
thức...

Họ mãi lúng túng trong ym-lặng thì may thay người lớ
lên nhắc chừng :

— “Bẩm, cơm đã dọn xong.”

Bà gạt đầu rồi nói thầy :

— “Chết chửa ! Tôi quên mời khách.”

*
* *

Bàn ăn đặt vốn-vẹn có hai cái ghế: một chủ, một khách
ngồi ngang nhau. Thầy ước hỏi :

— “Tôi tưởng nhà còn đông người kia... ?”

Bà hốt lời :

— “Còn con rể tôi hả... ? Vợ chồng nó ở riêng cách đây
mười ngàn thước ; hễ vài bữa về thăm tôi chốc lát rồi lại đi.”

— “Vậy mà tôi vẫn ngỡ đã vào phòng của quý-tế chớ!”

— “Không đâu ! Phòng ấy...”

Nói tới đó, bà bỗng uất ức nghẹn ngào.

Sau cùng, bà gắng gượng kể nốt :

— “ Chẳng giấu gì..., phòng ấy vốn của tiền-phu. Từ
chàng thất lộc tới nay, tôi cứ giữ y không sửa đổi. Hăm lăm
năm trường ; nó làm nơi cấm đường để thờ bần cụ ; chính
tay tôi lau chùi quét dọn, sự tử như sự sanh, thấy vật như
thấy người !

(2) Theo phật học, người ta có ba lần sinh : tiền sinh,
kiêm sinh và lai sinh.

“Ngài xem ! Nó có khác một căn phòng bỏ không, có phải ?”

Thầy chưa kịp đáp, bà tiếp thêm :

— “Ngài cho là phòng của rể tôi, ư ? Có khi nào ! Và thẳng cũng chớ hề được vắng lai thâm nhập.”

...Thế thì sao với thầy là nước lã người dung, bà lại quá lòng tín-nhiệm ? Huống nữa bà căn phó-trương cái dĩ-vãng kia cho thầy chứng kiến đặng mà chi ? Trong tấn kịch thân-thế bà, lựa phải đợi có thầy góp mặt vai chủ động ?

Thêm nổi bữa tiệc dọn toàn tương chao hoa-quả, không phải vì nhấ ý bà chiêu khách, mà thiệt vì riêng phần bà ăn chay hườn nguyện đầu đã lâu. Thành ra thầy chẳng nở từ nan, dẫu thấy dùng “ngộ” quên rồi nên không mấy đôi.

Câu chuyện càng cao hứng, bà miêu-tả các danh lam thắng cảnh, bà giới thiệu dân cư phong tục nội vùng. Thầy cũng vui miệng thuật lý-lịch mình : đường trần oan uống, hòn máu bỏ rơi ; biển phật bao dung, thanh bè bát nhã. Thấm thía giọng chuông giác ngộ, say sưa mùi đạo bồ-đề. Trót mang nghiệp-báo, khéo hoài công thay xác phù-du (3) ; bằng hiệu sắc không, tua hồi hướng tìm nơi tịnh-độ...

Một cách van lơn khẩn-khoản, bà bèn chờm qua nín chặt thầy :

— “Ngài tu đánh a ?”

Cả thẹn thầy giựt tay ra, đổ bưng đôi má.

Nguy vậy thay !

Đành hay không cũng mặc ý thầy, cơn cố chi nhau hồng bỉ-thử ; đã là đà-na (4) thí-chủ, lẽ thì bà kính nể nhà sư mới phải cho. Chớ có đầu lồi kéo số sảng, như lấy lệnh ai mà cản ngăn trách móc ?

Nhưng rồi thầy bình tâm suy-xét : cử-chỉ bà dẫu trông trái song quyết chẳng lả lơi. Và tuổi bà kể đáng mẹ cha, không nên nghĩ quấy.

Thầy nghiêm nghị phân trần :

(3) Là con thiêu-thần.

(4) Là dùng của cải và đạo pháp mà làm việc phước lành.

— “Mô phật ! Bần đạo từ sơ sanh cam ly gia cắt ái ; không dám tham vọng gì khác nữa, miễn xin được dọn mình rửa tội mà gieo căn lành (5.)”

— “Còn tôi ?” — bà xụ mày nhăn nháu.

Hay chưa ! Thế là nghĩa làm sao ?

Tình trạng bà nầy mỗi lúc mỗi gay go phức tạp.

Bà điên chẳng ?

(5) Kinh “Kim-Cang” :

« Lục-Tổ giải : sao gọi là gieo cái căn lành ? Là đối với
« chư phật phải một lòng cúng dường thuận theo giáo pháp,
« đối với các vị bồ-tát, bực thiện tri-thức, sư tăng, cha mẹ,
« người tuổi cao đức lớn và bực tôn-trưởng, thường phải
« cung kính cúng dường vâng lời dạy bảo chẳng nên trái ý,
« ấy là gieo các căn lành.

« Đối với cả thầy chúng sanh nghèo khổ, đầy lòng thương
« xót chẳng nên khinh bỉ ; có yêu cầu đều chi, tùy sức mình
« mà tế độ, ấy là gieo các căn lành.

« Đối với cả thầy kẻ hung dữ phải nhu hòa nhịn nhục,
« vui vẻ phụng thờ ; chẳng nên trái ý, dặng khiến kẻ ấy phải
« lòng hoan-hỷ dứt sự hung-hăng, ấy là gieo các căn lành.

« Đối với chúng sanh trong sáu đường, chẳng có sát hại,
« khi dễ, nhiếc mắng, cỡi đánh cùng là ăn thịt, thường làm
« việc lợi ích cho chúng nó, ấy là gieo các căn lành.

« Số : Sao giải (về sự bố-thí) :

« “Tam luân” là ba thể luân chuyển đều không.

« Người thí (thí-chủ), người thọ thí và vật thí là ba cái
« thể luân chuyển.

« Người thí hồi tưởng cái chơn như bốn thể vốn không,
« chẳng có một vật chi, cho nên nói lý không ;

« Người thọ thí hồi tưởng cái sắc-thân không phải chơn
« tướng, cái phương pháp không tên lâu dài ; thân còn chẳng
« có, vật đâu mà thọ lãnh, cho nên nói thọ không.

« Kẻ thí, người thọ thí đã là không — hai bên đều không
« lòng vọng, — thì vật cũng tự không, cho nên nói vật không.

« Ấy là tam luân thể không.

Thần trí thấy xôn xao bán loạn theo những luồng cảm giác dề mê. Cơ hồ trong tiềm thức thấy hỗn-độn hồng hoang, một cơn biến động dữ dội — như hồi tạo thiên lập địa — mới bắt đầu, và cho thấy trông thoáng ít nhiều tia Chơn-lý...

Thôi đích rồi ! Cái người thầy mơ ảo gọi huyền đề đầu mà gặp thiệt ; ôi ! “oan gia nghi giải bất nghi kiết”, phải thầy có phép gì tàng hình độn thổ, lánh nhau là hơn. Kẻo còn lụ-đụ lồi thối, một thân mà sống tới hai đời, lụy mình lăm ai, lỡ làng mâu thuẫn !

Nhưng lòng nào đi cự tuyệt bà ?

Nhột nhặt với người tở hầu bàn, thầy nói thẳng :

— “Mà bản đạo là chi của bà đây ?”

— “Hãy khoan ! — bà đối sâu làm tươi. — Rồi Ngài sẽ rõ...”

Liền đó, bà truyền bưng trà nước bánh mứt lên từng trên.

Lạ vì không nghe tiếng ứng đáp dạ thưa, thầy vừa nổi gót theo bà vừa ngoái lại xem thử. Thì cơ dào ! Người tở già dựa cột đương bụm mặt khóc tức tưởi như trẻ con !

Bí mật... ! Từ chủ cho đến tở nhà này đều có vẻ khả nghi bí mật... !

VII

Để tách nước trắng miệng xuống, thầy chằm rãi yêu cầu
— “Xin Nương nương cất nghĩa cho vì có nào mà đoán
được bữa nay có bần đạo hóa trai.”

— “Vì có nào ? — bà dường hỏi lấy thầy. — Há riêng
Ngài, Ngài không có linh cảm rằng sẽ gặp thiếp tôi đúng với
một thời giờ ước-định, hay sao ?”

— “Thưa không !” thầy lắc đầu.

— “Thế thì lạ thật... ! Vậy chớ cách hăm lăm năm trước
ai đã hiện về mạo nhận, cùng nhau hẹn buổi trùng lai ?

“Ngài quên rồi chăng ?”

Điềm tĩnh thầy trả lời :

— “Thiệt tình bần đạo không còn nhớ gì hết.”

Bà ứa lụy thở dài...

Sờ sờ người cũ là đây mà nhìn chẳng dặng ; khe khắt
nước đời đến thế, mới liệu mần răn ?

Tin ở mấy bài cơ bút, thiếp vì duyên nên nuôi lấy tục
trần ; ăn nhằm bát cháo tái sanh, chàng lạc bước khiến sa
vào tôn-giáo. Bây giờ : chỉ thăm khó hòng xe lại, tơ vàng
chưa dễ gỡ ra. Ngõ ngang cái kiếp vị-vong ; cao-khiết tấm thân
tri-giới. Phan ôi ! phải dè hóa đá tương-tư, cửa bể cánh buồm
nuôi mong mỗi ; hơn để dơ tuồng góa-bụa, ngã ba đường cái
mớ bá vơ !

Khốn nhưng, xét qua tung-tích quyết hẳn lúá đôi ; vậy
thôi thả đừng biết cho xong, chớ bao nữ thấy nhau mà lãnh
đạm ? Lẽu là tại ai kia mưu sự, đã không chắc gì còn đoàn
tụ, thì sao chẳng ở luôn trên thượng giới, lại đèo bòng trở
xuống nữa chi ? Rồi ra chỉ gạt_lớp nhau, con đồ vẫn đậu bến
quen, khéo cho khách khoác áo cạo đầu làm mặt lạ !

Vô tâm cảnh mới há trách chi tình ; thật tiết thờ xưa, riêng oan nỗi giận. Đối chối mình mang đều vọng ngữ; truy-hoài họ sợ tội tà-dâm... !

Có ngõ dâu đã lần tử biệt lại lần sinh ly, trước đây là chịu tang cho phần xác, còn nay lại chịu tang cho phần hồn, cũng thi với một người chồng mà số thiếp tới hai đời chích máu !

Vậy mà lương năm chờ tháng đợi, tưởng chừng khi tái hội rồi sẽ được cõi già hóa trẻ..., mở tiệc hoa chúc chén quỳnh...’ chúng đêm thất-tịch nối thề bá niên...

Ngăn-ngừ bà thỏ-thẻ :

— “Giá Ngài cho phép, em xin nhắc chuyện tiền thân.”

Với giọng thiết yếu ngọt ngào, câu ấy quả có mãnh lực kêu-rủ, ép-nài, ám-ảnh. Trước cảnh ngộ khó xử, trót lỡ, thấy cũng liều :

— “Mô phật ! Dám phiền Nương-nương chỉ giáo.”

— “Ngài chưa đích nhận mình sao ?”

— “..... ?”

— “Ngài vốn tên *Nguyễn-Hồng-Son*, bởi thế mà lúc đi đầu thai còn nắm giữ một bút son làm ấn chúng.”

Thầy dật nảy người, thẳng thốt ngửa bàn tay ra. Nét số và nét ngang trên chữ *Son* (丄) đều lộ ửng lên, chẳng khác mới đồ bằng máu :

— “Bà là mẹ tôi đó ư ?”

Bà vói bụm miệng thầy :

— “Ý ! Đừng xưng hô vậy không nên ! *Hồng-Son* yêu quý ôi ! hãy ráng mà nhớ lại...”

Khách ngạc-nhác nhìn sững chủ nhà :

— “Thiệt tình tôi không nhớ gì hết. Bà thử nói rõ coi ! Nếu chẳng phải mẹ tôi, chớ bà là ai đây ?”

Ngọc-Oanh phu-nhơn run rẩy cả lăm, chứa-chan hy-vọng :

— “Em là vợ Ngài kia mà !”

*

* *

Tin đâu sét đánh, thầy tối tăm xưng-vững ngồi chết cứng như trời trồng. Đồi ba phen dợm chối cái biện phân, nhưng thầy đó lưới nghẹn lời, thốt không ra tiếng. Hồi lâu mới nghe thầy rên than :

— “Trời ôi ! Tôi điên rồi chăng ? Hay là bà cuồng tâm loạn trí ?”

Bà an ủi dỗ-dành :

— “Hồng-Son anh ! Hai ta đã gây gánh giữa đường, kẻ âm phủ người dương gian, may còn về được với nhau cho trọn ba sanh hương lửa. Là em cam trái bao khắc vợi canh tàn gối sầu nuốt lệ, tẩm chơn thành âu cũng thấu cao-xanh. Thì có đều chi nữa mà ngờ, chàng nữ nào quên vội ?”

— “Thôi đi ! — thầy gạt ngang. — Tôi biết gì đâu hòng biểu chớ. Chẳng qua bà thêu dệt cho thành ác-mộng, làm bà đã vậy, chớ làm chi tôi phạm xuất gia ? Huống xuất gia là đoạn diệt thế tình, là giác mê khỏi ngộ khứ ám hồi minh, thực hành lẽ “vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả” (1). Ắn năn cả trái oan lóp trước ; chặn đón từ quả báo về sau.

(1) Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả :

« Kinh Phật nói lòng phạm có bốn tướng là ngã, nhơn, chúng-sanh, thọ-giã.

« Tăng Nhược-Nột giải : Ngã tướng là bởi cái lục thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức) của mình nối nhau chẳng dứt. Trong ấy lại chấp “có ta” ; hiểu như thế là chấp theo bề trong, cho nên nói : ngã tướng ;

« Nhơn tướng là ngoài cái cảnh lục đạo (thiên, nhơn, a-tu-la, địa-ngục, ngạ-quí, súc-sanh) kêu chung là người, các cảnh ấy mỗi thứ còn có chấp trước, phân biệt hơn thua có đây có kia. Hiểu như thế là chấp theo bề ngoài, cho nên nói : nhơn tướng ;

Chúng-sanh tướng là bởi cái tâm thức, trước hết là tình cha huyết mẹ, rồi tiếp theo có bốn ấm (sắc, thọ, tưởng và

“Bà nên thể lượng giùm mà đừng thềm đeo đẳng.

“Bề gì lời cũng phải tỉnh dầu có phụ ai chẳng nữa cũng đành !”

Rồi kích-thích bởi tự-tín, thầy đứng phắt lên giậm cẳng cam đoan :

— “Tôi phải tỉnh ! Tôi phải tỉnh ! ”

— “Coi ! nho nhỏ vậy chàng ! — bà đã lã khuyên can hơn mon-trón võ-về một đứa em chúng chúng.

“Chàng cứ ngồi xuống lại cho thiếp tôi tỏ cặn khúc nói. Đặng chàng khỏi dụ-dự nghi nan chối từ căn bản.

“Lương duyên do túc đế, chàng sẽ thấy chỗ thâm thâm vi diệu trong tác hợp cơ trời. Duy em thì kể chắc có ngày

« hành) hòa hiệp lại, cho nên nói : chúng-sanh tướng.

« Thọ-giã tướng là kể cho mạng căn một đời của ta chẳng dứt, cho nên nói : thọ-giã tướng.

« Trần-Hùng giải : tham, sân, si, ái là bốn nghiệp dữ.

« Tham thì hay vì việc riêng của mình ; ấy là có ngã tướng.

« Sân thì hay phân biệt mi-ta, ấy là có nhơn tướng.

« Si thì ngang ngược, chẳng kính nhường, ấy là chúng-sanh tướng.

« Ái thì trông mong cho dặng sống lâu, ấy là thọ-giã tướng.

« Lục-Tổ giải : người tu hành cũng có bốn tướng :

« 1) lòng có năng sở, mà khi dễ chúng sanh là ngã tướng.

« 2) ý mình là người giữ giải, khinh kẻ phá giải là nhơn tướng.

« 3) nhằm chán cái khổ của ba đường (lửa, dao và huyết) muốn sanh về các cõi Trời, là chúng sanh tướng.

« 4) lòng muốn sống lâu mà cầu tu nghiệp phước, chấp pháp chẳng quên, là thọ giã tướng.

« Có bốn tướng ấy là chúng sanh, không bốn tướng ấy tức là Phật. »

(Trích trong quyển “Kim-Cang chư gia”.)

này, đã làm như Vĩ-Sinh ôm cầu, mỗi đêm mỗi chong đèn đợi nhau, không hiểu tại sao chàng trễ hạn.”

— “Tôi hẹn hồi nào ?”

— “Ây ! chàng để thông thả cho em nói ; tang chừng còn đó chớ em há bịa đặt thị-phi.

“Chàng ôi ! mấy năm ân ái, một đạo xướng tùy, vợ chồng ta xây dựng tổ uyên-ương ở trên chế độ gia-đình và thành-kiến xã-hội.

“Là một sanh viên Nam-kỳ du học, chàng được giao thiệp với em ngoài Hàn-ội, dăm ngàn dung ruổi, tâm phúc tương tri. Ngặt vì, chàng còn từ-mẫu, em có lão thân ; hẹp hòi lượng cả lương chấp nê, đại đột lòng thơ đi phản kháng.

“Thuở ấy..., chẳng vừa tốt nghiệp trường Công-chính, tin nhà liền kêu nhấn buộc phải về. Trong mình em nghe đã có mang, song le bên hiếu bên tình... ! em cần rặng bóp bụng chia lìa chớ không đang lấy nể nơi hôn máu phôi thai mà cầm chơn quân tử.

“Thà vậy kéo chàng thêm ân hận, nếu như gương vỡ lại lành thì tốt, ví không may nữa em cũng cam ẩn nhẫn nhường chồng nuôi con ! Đòi cua cua máy đòi cáy cáy đào..., đứa trẻ kia dẫu gái hay trai quyết chẳng nên lưu một bóng sấm, một vết nhơ gì... có tổn hại đến nhau trên bước tương lai sự nghiệp.

“Thế rồi thỏ lặn ác tà bóng chìm tăm cá, chàng vinh qui mà em chẳng cùng được vu qui ! Ở đâu môn đăng hộ đối cho Mẹ kiếm dẫu thảo đăng chàng cưới vợ hiền ? — em chỉ mong cảnh xinh ngó chực hương thừa thơm lây, làm con bạn bằng tinh thần thôi ! hôn mộng gửi theo người non nước.

“Ai có dè chàng sắt son vững dạ, ví chi em tường hoa ngộ liễu mà giốc đem vào bực bố kinh. Có nên trái ý huyền đường, chàng bèn xin sang Pháp học thêm, kỳ trung là dự hướn cầu mưu chờ cho Mẹ nguôi ngoài họa đoái xét tới em hàn vi tấm mấn.

“Em hay tự-sự thì chồng đã đáp tàu xuất dương rồi. Kể ngay ra em cũng đắc tội với nhà chàng, hẳn vì em chàng

mới ly hương, thương ôi bóng xế nhành dâu ! Ấy ai thay thế cho nhau dặng ắp lạnh quạt nồng, gọi chút từ ô phản bổ (2).

“Phải em ngăn-dứt kịp ất cũng chưa đến đời nào ! Để nay chàng phiêu dạt linh đình, dẫu rằng sẽ lập chữ hiển-vang nhưng trót chẳng lỗi niềm hiếu-dương ?

“Em thì danh phận gì đây hồng ra mặt, nghĩ lại thiệt không bằng con đòi dứa ở chúng còn được sớm hôm gần-gặng, đừng cơn hầu nước cho Mẹ nhờ... Phần đương thai nghén cận ngày, em đâu xóc vác dặng như xưa mà mua gánh bán bưng lấy công làm lời, ít nhiều toan lén lút giúp nhau trong khoản bận bè thù tạc nơi xứ lạ.

“Em để con Ngọc-Lan, cảnh nhà càng khốn-quần ; sau đó cha già bỗng lâm bệnh rồi thọ chung.

“Trong thế Mẹ có cậy ai dò dẫm điều tra nên cũng thấu rõ bề em tuy sa-sút cơ-bản song vẫn kiên trinh chực tiết. Khiến cho người cầm lòng không đậu, đến thân hành ra nhận dâu nhìn cháu, rước mẹ con em.

“Cái là một cách kín đáo ân xá đôi ta, vừa cũng là gián-tiếp mượn dây thê-nhi mà trục chàng mau hồi cố.

“Nhưng chàng mãi bận sách đèn năm chầy lẫn lửa, con Ngọc-Lan đây tuổi chàng mới chịu trở gót hài. Thương tình, Mẹ đã đứng tác thành cho :

- « Đoàn viên mở tiệc nhà lan,
- « Hoa soi ngọc đước hồng gian bức là.
- « Cùng nhau giao bài một nhà,
- « Lễ đà đủ lễ, đôi đà xứng đôi. »

(Nguyễn-Du)

“.. Kế xảy cuộc Âu-châu binh cách, chàng buộc lòng tình nguyện từng chinh. Đương cơn binh địa nổi phong ba, khốn nạn thay ! em tưởng rồi đầu xanh tóc bạc, chung hưởng ngày trời ; nào hay số kiếp oái-oăm, khác gì bọt nước sương mai, tu-tán thoáng qua không mấy chốc ! Biết vậy, thà em cứ mặc chàng thân viễn-khách, ở nhà một mình em cũng

(2) Khi quạt mẹ già rồi không bay đi kiếm ăn được, thì quạt con tha mời về dứt. Ấy gọi là quạt hiển trún mời lại.

đủ trên thờ Mẹ dưới dạy con. Chớ cần chi nài cho có mặt chàng, để mà vĩnh-quyết đưa nhau đem cảnh sanh-ly đổi ra thành tử-biệt...

“Cùng vượt trùng dương theo cơ binh tiếp viện, chàng được sung vào đội tiền quân lên trận tuyến, giữa vòng đạn lạc tên bay. Cái chết cầm nhẹ tợ lông hồng, trên bãi sa tràng lại thêm chất đống xương vô định...”

“Chính bữa chàng bị hại, Mẹ và em đều cùng thấy chàng hiện hồn báo mộng, mình đẫm máu, lỵ đầy trùng. Tỉnh ra em đã hiểu sự chẳng lành, thôi ! còn chi mà rày ngóng mai trông, má hồng mệnh bạc đến như em, không được lấy một lời trời của tình-quân khi nhắm mắt... !

“Chàng ôi ! đi thì nguyên vẹn chông em mà về thì chỉ có chiếc áo bào giao trả lại ; đành rằng ai vị quốc vong xu em sao dám tiếc, ngặt chạnh tủi cho mảnh di-hài côi quạnh, vắng tanh nhang khói, dầu-dãi nắng mưa !”

Bà nức nở sụt sùi.

Trước sự đau thương kể-lẽ của chủ nhà, thầy cũng áy-náy bồi-hồi, vẫn cầm đầu lẳng lặng. Không khí càng nặng nề khó thở, đã mấy lần thầy bưng tách nước hầu cạn hớp chùng cho trôi.

Vói chাম trà thêm, bà bất ý quơ chiếc nhẫn đính-hôn chạm nhầm tay khách. Thầy giùng mình rỏ ốc, khắp da thịt thầy như bị một luồng điện cao độ chạy rần qua...

Thầy nhóm ghế xê ra, mặt mày dớn dác.

Hơi bẽn lẽn, bà ngó xuống và dịu giọng ôn tồn :

— “Chàng khỏi phải e ngại, em chẳng hề định xúc phạm đến nhau đâu. Chàng tua bình tĩnh cho em có đủ can đảm khươi đống tro tàn mà nhen lò kỷ-niệm bẽn lẽn đặng đôi lòng ta cùng sưởi.”

Đoạn, bà lại mở tủ bên cạnh đem ra một “hộp nữ-trang”, và trân trọng lấy từng món đựng ở trong, vừa trình bày dẫn tích :

Dưới mắt thầy, lần lượt biểu diễn cuộn phim sanh thời của một người quá-cố mà không chùng là thầy đây lộn kiếp chãng ?

Nào mớ chơn-dung hồi niên thiếu...

Nào hình chụp mấy nơi du ngoạn đã làm khung cảnh
cho cặp tình duyên chỉ biển thề non ;

Anh này đùa nghịch với con Ngọc-Lan ;

Bức thưong phục kia trước khi nhập ngũ,...

Tiếp theo là những thơ từ bút ký,... các hạng huy-chương
rồi đến đạo sắc-tứ ghi công trạng đứng trung thân.

Nếu ý bà, thầy cầm sấm soi mỗi di vật ; thầy đọc thăm
tò truy-phong :

Nguyễn-Hồng-Son

Trung-úy

Cơ binh thứ VI Lục quân thuộc địa.

Tình nguyện tòng chinh cho tới mãn giặc.

Sĩ-quan lỗi lạc, nơi chiến trận đã tỏ gương hăng
hái bạo đạn, lại khinh thường sự nguy nan, ai thấy cũng
khâm phục.

Trong một nhiệm vụ cảm tử, bị vây hãm giữa vòng
binh nghịch rất đông hơn và nhiều khí cụ hơn, vẫn đốc
suất đội quân mình chống cự oanh liệt cho đến phút
cuối cùng.

Bắt đầu bội tinh, ngày 1915.

Trưởng lục số, ngày 1915.

.....

Dấu sao đi nữa, thầy nghĩ cũng nỡ nề cho trang srong-
phụ ; đấng-đấng ngày dài nơi cõi lòng ai thủ tiết, chiếc ngai
vàng vẫn âm-thâm bền vững chực quân-vương ! Với cái đức
tin tha-thiết ở một phép cao cả phi phạm, biết đâu hương
nguyên kẻ phòng không chẳng nghi-ngút khắp cử trùng,
lại chẳng vấn doanh truy-cản bước siêu-thăng, khôn để cho
tình hồn tử-sĩ được thảnh thơi về Cự-Lạc ? Biết đâu chẳng
có cuộc trùng phùng tái thế do sức cảm ứng thiêng-liêng của
đôi oan khí tương triền ?

Mà nếu vậy thì tiền-hân thầy là Hồng-Son này ư ?

Nhưng thú chuyện huyền-hoặc hoang đường mới lấy chi làm ất-chất ?...

Phần đóng vai quan tòa phân cũng là sự-chủ trong một nghị án không tiền tuyệt hậu diên đảo hàm hồ, thầy khó định thực hư ! Vả chẳng thực hay hư đều sắc-tướng cảnh ngoài, tốt hơn nên đem thiện niệm mà hàng phục vọng tâm, thầy chối bừa đi là hợp lẽ.:

— “Té ra lệnh Tướng-công đã tiên-du từ lâu... ! Chỉ ư bần-đạo nay thì để sau tu muợn quả mợn căn hèn, bà chớ nhận lầm mà tội...”

“Thiếu chi người giống người... !”

— “Không ! em làm thế nào được, thưa chàng ! Chàng có muợn đổi-nại thì đây ! — bà trao tận tay thầy — em xin trưng thêm một bằng có xác-thực phân minh.

“Nó là mười bài thi “thập thủ liên huồn” mà trước kia chàng lên cơ giáng bút.”

Bất đắc dĩ, thầy tiếp lấy giờ xem :

Nỗi nhớ thương này nhấn vợ con
Trăm năm những tính cuộc vuông tròn
Tình sâu nghĩa nặng đương êm thắm
Gương vỡ bình rơi bỗng mất còn
Côi cút biết chi hòn máu đỏ
Dưỡng nuôi cậy ở tấm lòng son
Nhấn từ u-hiến chia đôi ngã
Dờ-dật hôn oan khắp nước non.

★

Nước non thề thốt cũng trò chơi
Một thác là xa mặt khuất lời
Xương trắng dẫu mang tình xuống mộ
Khí thiêng còn vướng mộng ngoài khơi
Ba nghìn thế-giới chưa cam phận
Muôn mối nghiệp-duyên khó rút đời
Miễn được cùng nhau cho lại gặp
Quản chi vật đổi với sao dời.

Sao dòi vật đổi đến bao giờ
Đôi lúa đầu xanh lỡ tóc tơ
Ước cũ lăm đèn trong kiếp khác
Đấu nhà tạm gởi chút con thơ
Hữu tam bất hiếu cãm bề rủi
Tùng nhứt nhi chung cãm đạo thờ
Nguyện cũng thoát sanh về cõi tục
Chóng chầy âu phải đợi thiên cơ.

★

Thiên cơ sẵn định buổi trùng lai
Duyên trước tình sau vẹn cả hai
Cửa Phật bao đành riêng chúng quạ
Nợ trần trót đã hẹn đầu thai
Thà thay hình xác lên gân-gối
Hơn cõi gió mây thả lạc-loài
Chấn ngại nước bèo khi hợp bến
Hững hờ ai ngỡ khách là ai ?

★

Là ai hay chẳng khách qua đàng
Cá bể chim trời chịu đỡ dang !
Khéo bẻ về đâu cảnh Liễu-thị (3)
Còn mong chi nữa bước Tiêu-lang (4)
Lai-sinh ví lỗi dây cãm-sắt
Tiềm thức nào nguôi giọng đá-vàng
Chất nặng bên lòng hai giấc mộng
Bụi hồng mắt trắng nghĩ sao đàng.

★

Sao đàng tử-biệt kẻ sanh-ly
Nếu chẳng nhìn ra, trở lại chi ?
Động thấu linh-đài bao tiếng vọng
Nương theo cơ-bút mấy văn thi

(3) Tích nàng Liễu-thị ở đường Chương-đài.

(4) Tích vợ người Tiêu-Lang bị bắt dung cho Quách-Tử-Nghi, về sau chàng Tiêu thấy vợ không dám nhìn.

Con đường nhân-quả đeo thêm mãi
Cái cuộc đoàn-viên quyết có khi
Tháng đợi năm chờ tua găng chỉ
Thời gian thấm-thoắt gấm lâu gì.

★

Lâu gì một khoảng của vô-biên
Tan hợp luân-hồi há ngẫu-nhiên !
Trời hẳn dành cho nhiều hậu nhật
Minh sao trốn khỏi mớ tiền khiên
Thân tàn cảnh muộn so chi tuổi
Nắng ngoài chiều hôm nối lấy duyên
Bến cũ dò xưa rồi tái hội
Thử chung để dám để sai nguyên.

★

Dám để sai nguyên trái hẹn dâu
Rời đây ô-thước nói đường Ngâu
Cõi trần lại thấy người thiên-cổ
Đời góa khoan nghe khúc Phụng-Câu (5)
Chớ tưởng vọng-phu là hóa đá
Cho hay Hiệp-Phố cũng huờn châu
Còn đêm thất-tịch còn duyên lứa
Còn vững tình chung giữa bể dâu.

★

Giữa bể dâu mà hiện cố-nhơn
Mấy huyền-vi lộng giả thành chơn
Trông vào bức họa in gương mặt
Lật thử bản tay lộ chữ *Sơn*
Chuyện trước khời lòng mơ đứt đoạn
Tớ già nhận chủ khóc đòi con
Hai mươi năm nữa trong mưa gió
Sẽ tới lâu trang tỏ thiệt hơn.

(5) Trác-văn-Quân tuổi nhỏ góa chồng, nghe khúc Phụng-Câu kỷ Hoàng của Tư-Mã-Tương-Như bèn phải lòng trốn theo.

Hơn thiệt cho tường dạ sắt son
Nhờ tay đồng-tử thảo hàng loan
Tình dài đêm vắng nên dùng thẳng
Nước thấm non xa nhắm mỗi mòn
Danh hiệu người xưa ghi khăn-khăn
Hồi chuông kiếp mới giục bon-bon
Bao nhiêu diễm báo làm tin đó
Nỗi nhớ thương này nhắn họ con.

Đêm thất-tịch Ất-mão niên.
(Tuần bá nhật)

Đành rành tường chữ của thầy... !

Lời lời châu ngọc hàng hàng tất giao ! nổi yêu-đương
khăng-khít giữa u hiển đôi đàng, đủ bảo-đảm cho sự tình bà
thổ-lộ. Càng đọc tới thầy càng thấy dọi rõ bóng mình trên
lịch-trình cận đại : hết Nguyễn-Hồng-Sơn rồi hóa sanh làm
Sơn-Huệ, — rữ xác tằm mà tượng ra hình nhộng —, mỗi dây
nhơn quả nối liền hai chặng trần-gian.

Thầy ngỡ cho mình chợt thức giấc mơ, bỗng như chết
đi sống lại tức thì ; lớp-lang tuy có khác tấn trò song đào-kép
vẫn còn ý gánh cũ. Gấm trong bể khổ bến mê phát nguyên
từ vô thủ, cái mà thầy tạm gọi bằng “ta” đó, há chẳng đã
tùy nghiệp-duyên cấu tạo, phải chịu cả hằng hà sa số kiếp
chìm nổi truân chuyên... Mãi bây giờ mới đến lượt thầy, mà
thầy là ai ? — bất quá một giả-hiệp lâm thời, thoát sanh
thoạt diệt lây lất cõi phạm, cứ mỗi hiện thân là mỗi chúng-
tử (6) cho vị-lai, đồn-dập oan oan tương báo...

Thầy kết luận, mượn câu sách để ám chỉ mình :

— “Tiền thuyên, hậu thuyên, an tri nhĩ ngã, phi tái lai
nhân ! (7).”

Tựa một bị-cáo chờ tuyên án, Ngọc - Oanh phu-nhơn

(6) Hột giống, ngòi mọng.

(7) « Người chuyển đồ trước, ta chuyển đồ sau, biết đâu
« người với ta chẳng cùng là một người đầu thai lên. »

“Thanh tâm tài nhân”

đăm đăm dò ngóng sắc-diện thầy, tấm lòng nơm nớp lo âu.
Bà hồi tưởng những ngày qua khô héo lạnh lùng :

— “Tin chàng tử trận đem bệnh nguy ngặt cho mẫu-tử ; trời ôi ! lá xanh rụng trước lá vàng bay sau, đầu em chấp chững tang-tóc, vai em quần quai cang thường, chút vì hòn máu trên tay nên cam núm-nắm...

“May mà trẻ nó dễ nuôi dễ dạy, nhờ phước nhà nên đã phận đẹp duyên ưa. Nhưng xuất giá thì nó phải từng phu, sáu năm rồi trở trở cảnh già, những khi ôn lại bức di ngôn, em liệu chắc thế nào cũng tìm ra nhau trong sớm muộn.”

Bà thăm-thỉ vái-van :

— “Hoàng thiên như chúng chiếu tặc thành, xin khiến xui chàng nhớ lấy việc xưa : đừng chông còn mừng vợ, cha còn biết con, một cửa sum vầy đằm-ấm.”

Thái nhiên huốn đãi, sư Sơn-Huệ xếp trả xấp thơ ma vào bao. Không dè chỉ có liếc sơ thôi mà thầy hầu đã thuộc lâu, mừng tượng chính mình vừa mới viết. Thầy trầm ngâm tách bạch lại từng câu :

- « Xương trắng dầu mang tình xương mỡ
- « Khí thiêng còn vương mộng ngoài khơi...
-
- « Động thấu linh-đài bao tiếng vọng,
- « Nương theo cơ-bút mấy văn thi...
-
- « Thân tàn cảnh muộn so chi tuổi
- « Năng ngoái chiều hôm nơi lấy duyên...
-

và nhứt là trọn bài thứ chín :

- « Giữa bể dâu mà hiện cố-nhơn
- « Máy huyền-vi lộng giả thành chơn
- « Trông vào bức họa in gương mặt
- « Lặt thử bàn tay lộ chữ Sơn
- « Chuyện trước khươi lòng mơ đứt đoạn
- « Tố già nhận chủ khóc đòi con

« Hai mươi năm nữa trong mưa gió

« Sẽ tới lâu trang tỏ thiệt hơn... »

.....

Thì ra cái giờ tiền định “hội hiệp chi kỳ” đáng lẽ phải đến rồi từ đêm thất-tị chnăm Bính-tý(๑). Thảo nào bà chẳng quở thầy trẻ hèn, bởi chung thầy phí mất năm năm ranh-lộn, hai lần đứt nôi.

Vi sao chậm chơn trái bước con đở cửa già ? Còn người nhưng chẳng còn duyên, để bà mỗi mắt bụi hồng : xa thì đánh cối sỏi làng mây, gần ra cũng bóng hoa ánh nguyệt.

Vi sao vay là Nguyễn Hồng-Son mà trả là Sơn-Huệ ? Ai ăn mặn làm ai khát nước..., ai cho phép ai nhơn danh Hậu-hữu(๒) mà ký kết bao tình thâm nghĩa trọng gán qua thầy ?

Song vậy đã hết chưa ? Hay ngoài Ngọc-Oanh ra, thầy hãy còn nợ Xã-hội, nợ Quê-hương, thiếu đủ linh-tinh với tang bồng hồ thi ?

Hại thay! một điểm linh-quang đương nhóm, muôn luồng tà-kiến vợi sao ; mờ gương “vô ngại từ bi”, nhiễm bợn “vô minh phiền não” !!

Cũng tử sơn cùng thủy tận, con đường thầy tu hành kham khổ tới đây là thử lòng điểm đạo, mức hiểm nghèo ! Thầy như bước gập ghình trên chót-vót cheo-leo mà dòm xuống chung quanh toàn mù mịt vực sâu hang thẳm...

.....
Lau lệ, bà rĩ tai nhắc nhỏ thầy :

— “Đó ! chàng tháo-trút nữa thôi ?”

Khác nào tiếng “bớ” của oan gia nó kêu giựt ngược thầy, vang dội thấu mấy tầng tiêm-thức !...

Thầy đứng lên lão-đảo chói-với giữa hư-không.

Rồi bèn ngã phục dưới chơn bà, bất tỉnh nhơn sự...

(๑) Năm 1936.

(๒) Hậu-hữu là cái thân-mạng sau này theo luật nhơn-quả.

VIII

Trời rụng đông.

Trên chiếc giường thấp xủ mùng, sư Sơn-Huệ vẫn nằm mê thim-thíp.

Qui úp mặt bên cạnh gối, Ngọc-Oanh phu-nhơn đầu bù tóc rối, nước mắt dầm dề; hai tay bà choàn ôm cổ thầy, ngực bà cũng thoi thóp cùng nhịp thở thầy mỏng mảnh hơn sợi tơ.

Tùng chập, bà ngược dậy rú lên, lay gọi thầy lạc giọng :

— “Coi nè ! Trời ôi !... Lai tỉnh bố anh *Hồng-Sơn*!...
Bố *Hồng-Sơn* anh lai tỉnh !...”

.....
Sư thì bần-bật giấc nồng, thả hồn theo mộng ; giờ khắc như lùi bước, kéo thầy về mấy mươi năm trước với quãng đời ô-trọc phạm-phu.

Thầy nhận mình còn là Nguyễn-Hồng-Sơn, và đương hoàn toàn sống trở lại từ đầu chí đuôi trong kiếp ấy. Một lần nữa, bao nhiêu sự thể duyên trần đều hiển hiện ra cho tha hồ thầy tiếp xúc ; gieo rắc trên đống phân lòng, thầy hứng hết những hột thất-tình (1), lục-dục (2) nó nẩy mầm đâm tọt đúng y theo thứ lớp tiên-sinh :

Kia khi tuổi trẻ dưới gối thung-huyền, tới khi cặp sách đến trường ; kể lớn lên đi Bắc, sang Tây... ; buổi hồi hương áo gấm múa sân Lai, đêm hiệp cần đuốc hoa chong phòng động...

Kịp lúc phải dẹp niềm tư tuân phép nước, dẫn mình nơi khỏi lửa can qua. Ghe phen bốn mặt với Tử-thần, lấy câu

(1) Hỉ, nộ, ái, cụ, ái, ố, dục (mừng, giận, buồn, sợ, thương, ghét, muốn).

(2) Những tình dục do lục căn mà sanh ra: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý.

“mạng ấy yếu mà danh ấy thọ” làm khẩu-hiệu. Vì vậy thầy lập nhiều chiến-công rực-rỡ ; chí hồng được trón tung mây gió, chúng non sông còn đỉnh ước khúc khái-hoàn.

Dè đầu nay bồng sa cơ, hùm thiêng đỗi sức vẫy-vùng, hơi tàn nuôi giữa trùng vây thầy đứng chịu thịt rơi máu đỏ. Trong sát-na (3) thầy hướng vọng quê nhà trời lời già-biệt ; mẹ già con dại thôi ở lại !... cây cùng ai gánh vác vện đạo lũng...

Thầy cả kêu: “Ngọc-Oanh... ! Ngọc-Oanh... !” rồi tươi cười đọi chết.

Tiếng mõ to đánh tan giấc mộng, thầy u-u chớp mắt trở mình. Bàn hoàn đỡ tỉnh đỡ say, thầy nghe vắng như giọng người thương bên trời gọi nhẩn :

— “Có em đây, chàng ôi !...”

Định thần lại, thầy phẫn lân đầu dây mối nhợ, nhớ suốt nguồn cơn. Trước thực-tế ngang-trái cơ-câu, thầy bèn thăm hiểu sứ-mệnh mình và nguyện không thối-chuyên... “Tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời...”

Ngọc-Oanh phu nhơn bi-ai thông-thiết, dường chụp chộ cái thầy ma. Chẳng còn đề nên được tình riêng chất chứa kể bấy lâu, bà cam tức nước bể bờ, vục đại thầy vào lòng mà hôn-hít ấp-yêu quản gì lễ-giáo :

— “Chàng hãy sống dậy chớ ! Sống dậy giữa thanh thiên bạch nhật, cho trùng tên trùng thứ, kéo vợ hiền con thảo lương chờ mong.”

Thầy hay nỡ sót một đều, song còn đối cuộc giả mê, ngượng lời ngợ miệng.

Đấm má thầy, giọt lệ thuyên-quyên vẫn dài nhiều nóng ; tận tạng phủ thầy uế-oải mỗi tế-bào như nhảy múa, quay cuồng sôi nổi theo tia sinh lực bà chuyển sang.

Thét rồi xem trong âu yếm có chiều lây đây, thầy nhướng mắt rùn vai vừa khẽ bảo :

(3) Ksana : một đơn vị thời-gian rất nhỏ hơn hết. Trong một cái khảy móng tay có 16 sát-na ; trong một sát-na có đến 900 lần sanh diệt chuyển biến.

— “Buông tôi ra nào ?”

Bà hoảng-hốt kêu-ca :

— “Ý coi ! Chẳng lãng trí rồi sao ? Em là Ngọc-Oanh vợ chàng mà ! chớ phải ai đâu lạ ?...”

— “Quả vậy ! — thầy chuẩn y. Nhưng tôi không còn là tôi nữa, mà là một cường-danh, một giả-tướng, một... linh-hồn sa-đọa đương tự tân cải quá đặng hồng phản bốn hườn nguyên.”

« Mùi thuyền đã bèn muối dưa
« Mùi thuyền ăn mặc đã ra nâu sồng
« Sự đời đã tắt lửa lòng
« Còn chen vào đám bụi hồng mà chi
« Dở dang nào có hay gì
« Đã tu tu trót qua thì thì thôi... »

(Nguyễn-Du)

Bà vật mình rên rí :

— “Không thể như thế được ! Em chỉ biết chàng là chồng em trước nhân-loại, đã chứng minh có Quỷ Thần Nhựt Nguyệt mà hứa cùng nhau đời đời kiếp kiếp nối tơ duyên. Thì còn em, em còn quyết giữ lời, may mà kịp gặp nhau đây, ai nỡ vội xem thường xem khinh, bỏ-thờ bạc-bẽo.

“Vả con đường tu là phải vượt qua tam giới (4) tích-lũy bao công-đức trong vô lượng vô ương số (5) hóa thân. Vậy hẹp

(4) Tam giới là :

1) Dục giới là có đều dâm dục và sự ăn uống. Trên từ cõi trời lục dục, giữa thì người ở bốn đại châu, dưới từ vô gián địa ngục là dục giới ;

2) Sắc giới là có hình sắc mà không đều dâm dục và sự ăn uống ; cõi sắc giới này bởi tùy sự thiên-định có thấp cao mà chia làm bốn cấp gọi là tứ thiên thiên, cũng kêu là Định-lự ;

3) Vô sắc giới. — Cõi trời này không còn vật chất chi hết, không thân-thể, cung-điện, quốc-độ, duy có cái tâm thức thâm diệu của thiên-định mà thôi.

(5) Vô ương số là tên một con số rất lớn. Vô lượng cũng là một con số. Vô lượng vô ương số là đem một số vô lượng

gì chàng không cầm thuyền đình-đái lại trên bể Thời-gian, ngõ hầu em báo đáp phỉ ân-tình, sau-dầu muốn nhổ neo tách vôi cũng chưa đến muộn ?

“Chàng khá suy-xét kỹ : ví oan-trái đôi ta mà thanh-toán, sao ngay lúc chàng tuần-tiết phurôn từ-bi chẳng tiếp dẫn cho luôn ? Để chi vấn - vít oan hồn, chàng vẫn từng “thần giao cách cảm” với em : nọ điềm chiêm bao, kia bài cơ-bút !

“Hồng-Son anh ! Nghĩ như chín đọt tòa sen, hẳn có thuở chàng ngự về ngôi cũ ; hiềm nữa riêng trời khách tục mới bao giờ em trả dứt nghĩa xưa...”

Thầy dăng co dấy dựa :

— “Buông tôi mà !... Bà nên thả tôi đi. Ở đây thêm đau khổ cho bà, thiệt làm tôi bất nhẫn.”

— “Em có sá chi ! Trái lại em còn rất vui lòng thọ lãnh, nếu chỗ đau khổ ấy chính tự chàng gia ban. Cái tình của em quá nặng nề, thì dầu biểu phơi gan trải mật nát thịt tan xương, em chẳng chút phần-nản thán-oán...”

Môi bà mấp-máy run ; mắt bà rung-rung hàng lụy đẫm đui liếc chùng thầy. Nồng nổi đoạn trường là thế ! nhưng cũng khó lay chuyển cho thầy hồi tâm. Nặng - nặng thầy la-át :

— “Bà có buông tôi không ? Đừng để tôi nói nhiều e khiếm nhã.”

Chết được !

Chao ôi !...

Bà đẩy mạnh thầy ra, ôm ngực ngoẻo đầu như vừa bị một mũi tên độc bắn xuyên tim phổi. Rồi ngó thấy lấm lét bà bỏ lết cứ thụt lùi..., thụt lùi. Trông vào lâu mộng bỗng sập đổ tiêu điều, bà ngậy ngất xốn xang bưng mặt trốn.

Sư Sơn-Huệ tuột lẹ xuống giường.

mà nhơn (multiplier) cho vô ương số ; nó còn hơn hằng hà sa số nữa,

A tăng kỳ số là một số cực lớn viết bằng số 1 trước 47 con zéros.

Thầy chạy a lại cửa sổ ngay đó tốc màn lên...

*

* *

Bên ngoài, trời đã bùng tung ; tiếng chim riu-rít đầu cành ; những hạt mưa hồi hôm còn đọng trên ngọn cỏ lá cây chấp chóa rung-rinh trong ánh-sáng. Xa xa dưới chơn đồi đồng lúa xanh tươi gió vờn dợn sóng ; là sà đôi chỗ, vài con ó trắng lớn vờn liệng kiếm mồi.

Thầy ước được phóng lòng mình ra tận đầu đầu, ngặt tâm mắt thầy lục soát khắp căn khôn, duy đụng bút bùng phong tỏa.

Chán nản thầy quây quả trở vô.

Ngẫu-nhiên dòm bóng mình phản-chiếu trong kiến tử dựa tường, thầy mới hay mặt thầy đã má cóp da nhăn, tóc thầy cũng nhóm dài thêm hoa râm điểm bạc. Một sự tàn phá cấp kỳ ở dung mạo do có một đêm khủng-hoảng về tinh-thần. Coi thầy già háp cỡ bằng họ ba bốn mươi... Còn nói gì Ngọc-Oanh phu nhơn thì lại càng tiêu-tụy thê thảm nữa !

Thầy cúi đờ bà dậy và kéo ghế vịn bà ngồi. Đứng cầm tay bà, bùi-ngùi thầy giác-đác :

— “Nương-nương tha lỗi! hần đạo không có ý bẽ-bàng lơ-dãng cho ai cam tủi-nhục vì ai. Nhưng đến nước này căn phải lấy thành thật đái nhau, họa may trước cảnh sảm-thương chúng ta sẽ biết thuận tòng nhần nại.”

Bà ngại-ngùng lưỡng-cuống lờm thầy trân-trân.

Thầy dỗ ngọt :

— “Nương-nương miễn chấp cho ! Câu chuyện tôi sắp thưa không những người nghiêng tai rồi chắt lưỡi châu mày mà kẻ hở miệng cũng bầm gan tím ruột.”

Bà mếu môi cười gượng, nét hoa ủ-dột gập mấy lần khóc than :

— “Em xin nghe ! Đều chi chàng cứ dạy. Hễ là đạo vợ, sao có quyền trách cứ chồng ?”

Chủ khách cũng nín thinh, căn phòng tĩnh tịch : hai pho tượng cổ trong một viện bảo tàng lạnh-lẻo âm-u !

Hồi lâu thầy phân-tiếp :

— “Vậy cho chúng ta đáng tội, bởi dám toan chống trả mạng trời. Khiến ra vàng phai đá nát rụng cái rơi kim ; đánh hồn ma quá đại với lời thề, song kiếp mới trót dung vào cửa bụi. Giấc mộng ba sanh bưng tỉnh, cái đêm thất-tịch chóng tàn. Cầu ô phút bỗng hợp ly, đường thế chỉ hườn dẫu bể. Thấy chưa ! nể bạn một vài tiếng gọi, đày mình hăm mấy năm thừa ; lối về che khuất ngàn mây, ngày tới nhuộm mớ dậm khách. Còn dẫu nữa mà duyên mà nợ, phận hồng nhan nước đục bụi trong ; gặp lại chi lối lữ lữ đôi, thân khát-sĩ (6) áo dầm dầu tọc...”

“Giả sử đừng ai kêu réo thì chơn-thần tôi thông dong cõi thọ, ắt đã được tuần-tự tiến-hóa lần giú túc-khiên. Mà rồi trên thêm Vô-vi (7) vẫn sẵn-sàng phù-hộ vợ con, vẫn chờ đón đặng rước nhau lên Vĩnh-Cửu (8).

“Thắng hoặc phải đầu thai lộn xuống, là tôi cũng đúng kỳ phát triển — như trái mudi lại rụng — nên giáng sanh hoàn thiện xứng đáng hơn.

“Chớ hiện giờ tôi vốn tên tội trốn của Thiên-tào, tai phạm mất thịt đội lột giả danh, sống thì còn trà trộn theo đời, ngắt chết kia mới thiết đến cấm cố giam mình dưới A-tỳ địa-ngục (9)...”

“Hử?... Ai gây ra có sự ? Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau...”

Thầy buông xui hai tay, bất bình tuyệt vọng.

Theo tín-ngưỡng thầy, cuộc tái ngộ đây có cái tánh chất gian-phu dâm-phụ ; duy những hình phạt luân-hồi mà thầy

(6) Tỳ-khưu. — Trên xin pháp cùng chư Phật, đừng tỏ cái chơn tánh mình ; dưới xin ăn của người thế đặng cầu phước cho đời. Cho nên nói : khát-sĩ (Phạm : Bhiksu).

(7) Vô-vi là xuất thế gian tự nhiên giác-tánh.

(8) Cõi bất sanh bất diệt (demeure éternelle).

(9) Vô gián địa ngục ; đời đời kiếp kiếp bị luân hồi vào địa ngục không dứt (Phạm : Avici).

đem dọa-nạt chưa dễ chi cảm-hóa tiết-chế bà. Khăng-khái, bà đảm-đương :

— “Thà đặng-cay trụy-lạc cho nó ưng, miễn được cùng chia sớt với nhau luôn, chàng đâu thiệp đó !”

Qui-hóa thay tấm lòng cáo thượng hi-sinh ! Một đảng là Tôn-giáo vị tha, một đảng là Ai-tình duy nhút, quan-niệm dẫu sai biệt song tư-cách cũng tương đồng.

Tuy nhiên, thầy cương quyết :

— “Tôi phải đi...”

— “*Hồng-Son* anh ! Chàng bỏ thiệp ư ? ”

— “Chớ tôi lấy cớ gì mà ở... Đã không thể hồi tục, vả cũng không muốn nào phục-vị tiên-thân.”

“Tôi nhỏ hơn cô Ngọc-Lan năm sáu tuổi...”

— “Chẳng khứng làm chồng thiệp, hay chàng hãy để thiệp nhận làm con ?”

— “Đâu có ngược đời lắm vậy ? Với bà thì tôi vẫn là người chồng trong trí-tưởng ; còn với ngoài dư-luận thì tôi chỉ là một thầy tu phá giới ăn gỏi năm nhò. Chứa tôi, đổ khỏi họ mĩa mai đảm tiêu ! “Lại càng dơ dáng đại hình”, bà nghĩ cho chín coi ?

“Thôi ! móng chơn nèn tuyết (10), cánh hồng khó nổi đứng dai ; ổ kiến gốc hòe, hờn bướm ham chi bay rảng. Từ đây : cất bước thiên-na (11) mong pháp nhành dương nước tịnh (12) ; cảm tình thí-chủ, lưỡng công ngó ý tơ lòng...”

(10) Tuyết nê hồng trảo. — Móng chơn chim hồng in vào giữa vũng tuyết, chim hồng bay rồi mà dấu chơn hấy còn.

(11) « Thiên: lặng nghĩ suy-xét ; đạo Phật lấy thanh tĩnh « xét tỏ chơn lý làm tôn chỉ nên gọi là thiên. Cũng gọi là « thiên-na. » (“Hán-Việt từ-điển” — Thiên Chửu.)

« Thiên-na (dhyana) là phép minh tưởng của Phật-giáo « bày ra để đi tìm chánh kiến, đặt chủ các giác-quan cho « đến chỗ đạt hạnh phúc. Nhà tu hành đi vào rừng, tìm một « gốc cây hoặc một khoảnh đất trống, ngồi xếp bằng, mình « thẳng lên rồi khởi sự tu-niệm; trong khi ấy chăm chỉ hít « vô thật dài, chăm chỉ thở ra thật dài. Thở hít như vậy đều

“Tôi xin ra mình không như khách qua đàng, chẳng đá động gì tới sự sản nhà này mà bà nói tôi được trọn quyền thừa hưởng. Nhưng cảnh phòng loan trướng huệ, xí phần chiếu đất màn trời...”

— “Đặng có hành xác chàng nón sắn hải gai..., túi cho mẹ con thiếp ấm áo no cơm bao đành dạ ?”

— “Tôi vì kỷ-luật của đạo...”

— “...thành nhẫn-tâm buộc thiếp phải thân sơ nghĩa đoạn trái luân thường, sao chàng ?”

— “Chẳng qua bà còn chác việc thế gian; người ôi ! bạn chi nhau mà căm cọng tiếc thương, cho gây thêm nghiệp báo tuần-hoàn ; xác trần khá cỗi dây oan kéo lại cứ đi về trong nghiệp hải...”

“Trên khoảng luân hồi mà từ thiên cổ chúng ta là khách-lữ, mỗi cuộc gặp gỡ kết giao ở một đời quá-khứ cũng vô thường ngắn - ngắn như cùng một đêm quán trọ theo vệ đường. Rồi thì đôi ngã chia duyên, cách trở bằng không gian thời gian, đảo lộn giữa tứ-sanh (13) lục-đạo.

« nhận kỹ, đều tìm khoái lạc trong đó. »

(“Phật-giáo triết-học — Phan-văn-Hùm...”)

(12) Nhàn dương nước tịnh. — Sách “Pháp uyển châu lâm” chép rằng :

« Thạch-lạc nghe tiếng Phật-dồ. — Chùng tu hành đắc đạo, sai người vời đến. Lúc ấy con Lạc đang bị bệnh nặng « mê man không biết gì. Chùng lấy cành dương liễu nhúng « nước vẩy vào, người con ấy liền tỉnh. »

Ở đây nghĩa là cố tu hành đặng mà cứu nhơn độ thế.

(13) « Tứ-sanh (catur yôni) là :

« Thai sanh tức là ở tử cung sanh ra như loài thú có vú ;

« Noãn-sanh tức là sanh ra bằng trứng như loài chim ;

« Thấp-sanh tức là nhờ ẩm thấp như loài mốc (moisis-
« sure) ;

« Hóa-sanh tức là bằng cách cổi lột thay hình như loài « bướm bởi sâu mà thành. »

(“Phật-giáo triết-học”. — Phan-văn-Hùm.)

“Kiếp nào cảnh nấy, chớ chông gì tôi vợ gì ai ?”

.....
Ngọc-Oanh phu nhơn ngồi choáng-váng tê-mê ; những lý-luận cao-siêu kia đánh mạnh vào tâm-lhãn lẫn thể-chất bà, tựa những lần roi điện của người tuấn-dưỡng (14) quất lên con ác-thú.

Sư Sơn-Huệ đã chạy vượt xuống lầu.

Ra khỏi nhà, thầy co giò sải một hơi, chẳng dám quay đầu ngoái lại.

(14) Người tập ác-thú, như ở trong rạp hát xiếc.

IX

Chiến-sĩ bại trận vừa thoát khỏi địch-quân, sư *Son-Huê* té sụn dựa mô đất giữa dốc đồi. Sức thầy muốn bết, mà trông chừng dưới xóm túp chòi tranh lúp-xúp dạng mờ xa. Thầy nhắm đi không thấu...

Đương lúc bần dủng ngơ ngẩn, thầy đoái thấy phía trên từng vè cát bụi lướt tàn cây phấn tới, cuộn cuộn như sóng bỏ vôi. Rồi thầy tiếp nghe tiếng vó ngựa nện gãn..., thêm gãn, nhịp nhàng với lạc khua rổn-rảng.

Lính quính, thầy sợ chúng rượt theo. Thi người tó già đã xuống yên đón đầu thầy, giọng nói hơ-hải lặp-bập :

— “Bà ngật mình hấp-hối, duy nài Ông trở lại trong giờ chót dặng gỏi gãm việc nhà. ”

Một tia sáng nháng qua trí óc, thầy trực nhớ ra tên người hộ hạ năm xưa. Thầy không còn tự chủ :

— “Chú Trung ! Chú cũng nhìn biết tôi ư ?”

— “Vâng... ! Họa có lão nay tuốc tác mới đổi nhiều, chớ Ông thì dưới lớp nâu-sông vẫn tướng tá hình dung đầu khác.”

“Còn trốn tránh gì nữa ? Ông cứ về đi thôi !”

— “Tội nghiệp tôi lắm, chú ôi !”

— “Nhưng Bà tựa chỉ mảnh treo chuông, may kịp thấy mặt Ông mà nuôi được. Nếu Ông trì hoãn tức là cố ý để cho Bà chết, cho phi tang diệt tích, ngộ chôn luôn món nợ ân-tình. Thủ-đoạn ấy, dẫu đến ngoài thiên-hạ cũng không ai nỡ...”

Thầy lại há nỡ nào ?

Một chuyến dò còn nên nghĩa đó thay ! hưởng chi một kiếp vợ chồng... ; hiện thời bên Đạo bên Đời, vì mình mà có kẻ sắp thác oan, cái nhọn mạng kia sẽ ghi dấu mãi mãi trên lương-tâm thầy bằng chữ máu. Dưới chín suối, mảnh u-hồn

Bà rồi dật-dờ cô-khổ, phải làm sao cảnh lĩnh đặng cùng thầy cùng nương theo Phật pháp, mà cái tà qui chánh, lập công gỡ tội giùm hậu-thần.

Trước Tôn-giáo, trước Luân-thường, đối với người quả-phụ phứt lăm chung, thầy xin kiêm cả bốn phận vừa là nhà sư vừa là bạn cũ.

Lăn mình vào chốn ba-đào miễn bà vớ làm thanh bè tế-độ, thầy thăm nguyện hễ được thi diu nhau đề - huê sang bí-ngạn (1), bằng không thì cũng liêu cho trích - giảng (2), chẳngham chi riêng chúng quả Niết-bàn (3)...

.....
— “Ồ !... ! Ta về coi !” — thầy nói xuôi.

Chú Trung hèn lên ngựa quày cương, đèo thầy ngồi vững sau lưng, rồi thút gót tra roi cho phi nước lớn...

*
* *

Hai thầy trò lất tả chạy lên lầu. Mút thang gác thi vừa gặp vị lương - y trong phòng - bệnh bước ra. Ngài đứng lại bàn-bạc :

— “Chú Trung ! Mạch bà hỏa kiệt khí thoát, cơn mê cơn tỉnh, tôi xem còn gượng chẳng bao lâu. Vậy chú khá báo tin cho tề tựu họ hàng đặng có sớm lo dự-bị sắm-sanh kéo rồi bắt cặp.”

Đoạn day chào thầy, Ngài phân bua :

— “Cứu căn chớ để hồng cứu số... Ông Trời kêu ai nấy dạ, biết sao ? Khoa học cam thất bại trước Tử-thần, áu là nhờ bực cao-tăng hoan-hỷ trợ niệm tiếp vong-linh.”

Thầy cúi đầu chấp tay :

(1) Đáo bí ngạn. — Phạm : paramita (ba la mật) nghĩa là đến bờ kia, là cảnh của chư Phật, chư Bồ-tát.

(2) Trích giảng là bị đày đọa xuống bực thấp (déchu).

(3) Niết-bàn (nirvana), cũng kêu là nê-hoàn, nê-ban, là cõi thanh tịnh, chẳng chết chẳng sống ; cả thầy các bậc tu hành đều nương về đó mà siêu thoát nẻo luân hồi.

— “Mô phật !”

...Vị lương-y đi khuất, họ liền xô hé cánh cửa lách mình vô. Phu-nhơn nằm đấy im-lìm, má xám môi thâm, hơi thở mồn-mồn cũng thể cái trớn thừa ở bộ máy rề-rề chưa tắt hẳn.

Thầy rón-rén xích tới cạnh giường.

Động giấc, bà chép miệng rên :

— “Hồng-Son anh !”

Cả một dĩ-vãng phát-lộ theo tiếng gọi. Nghe như một câu chơn ngôn thần-chú bắt thầy phải xưng tên thọ tội, cõi lốt hiện nguyên hình.

Thầy quí xuống chịu phép :

— “Tôi đây ! Ngọc-Oanh !”

.....
Thôi rồi công tu luyện bấy này !

.....
Bà từ từ mở mắt nhìn thầy, nổi mừng nổi tủi ngổn-ngang theo dòng lệ.

Là chàng hay chẳng cũng bóng mơ ? Trông chờ trái mấy thu sương ; sum hợp không đầy khoảnh khắc !

Nhận tường chàng lai-sinh, những thẹn thân tái-tiểu(4); nào có ngõ cho ngày hai ta hội ngộ lại là ngày em về anh ở, trời đã mọc nên trăng cần lặn — nhường cho nhau một khuất để một còn.

Phận em đành chó tình em quả ức-oan : ôi ! nếu đời ta rồi nữa vẫn đầu thai, vậy phỏng em có thể vay thêm mười tuổi mà sống rón với chồng con, cho dầu đến trả bằng muôn vạn kiếp ngựa trâu gì em dám quản ?

Hồi nào chàng mất em đứng góa ; rày tới phiên em mất... thì chàng chỉ là người ngoài thế-cuộc, mặt tuy giáp mặt song lòng trót chia lòng, đâu còn nước mắt khóc niềm xưa... !

Nửa như than phiên nửa như triều mến, bà sẽ nghiêng qua bá vai thầy :

(4) Tái-tiểu (Phụ nhơn trùng hôn viết tái-tiểu), là lấy chồng khác. Ở đây nghĩa là thẹn mình như đi lấy chồng khác.

— “Hồng-Son anh ! chàng nhớ hay quên ?”

Thầy võ-vũ thú-thực :

— “Em ôi ! Tôi nhớ hết...”

Nhưng muộn lắm rồi...

Té ra tìm được ai chính thị đổi mạng mình, thế mà vội gì em nòng-nả khẩn-cầu, sợ rằng lỡ dịp trễ duyên, bèo mây thất lạc ! Té ra :

« Giữ hẹn lương chong đèn khổ-hạnh

« Giết nhau nhè thổi gió từ-bi

« Ba sanh tơ tóc đây là dứt :

« Bung chén đoàn-viên uống biệt-ly. »

Bà khóc rống.

Thầy bệu bạo giải khuyên :

— “Hãy kể như từ xưa chúng ta trót vô tâm đứng diễn một vở tuồng — cùng lãnh vai đào thương kếp khó, tiết-hạnh hiếu-trung — nổi tan hợp lúc buồn vui... lửa đỏ gan vàng bao nung-nấu ! Cho tới lúc này mà phải vãng thì hẳn là nhân quả khấu-trừ cam lai khổ tận, cũng cang-thường đạo-nghĩa vẹn đôi đàng.

“Chuyện trăm năm trước nhấc làm chi, cõi trần vốn cõi giam-thâu, giờ chết mới giờ xả-phóng.

“Mừng bạn sắp hôn linh thanh thỏa, tiêu - dao nước Nhược non Bồng ; ngại tôi còn xác tục buộc ràng, lặn đạn nợ đời cảnh mộng.”

— “...Bởi vậy mà em không nỡ, thà chẳng kêu nhau, chớ chẳng thả bỏ nhau ở lại ; đây rồi cửa nhà còn rề..., một mình ai xây lung gánh mặt, miễn cưỡng sống thừa !”

“Một mình ai chơn trời góc bể, ẩn tích mai danh..., trong khi em cách ba tấc đất làm con ma không chõng : cổ loáng mồ hoang, xương tàn cốt rụi...”

Thầy đuối lý thở ra.

Tôn-giáo bị lung lạc trước ái-tình !

Thời gian dường như bước giữa bầu không khí lạnh lẽo trang nghiêm.

.....
Giây lát, bà lại tiếp :

— “Anh dung thứ cho ! Sở dĩ em còn nuôi chút hơi là để chờ một lạy giã-từ nhau, và đặng mang theo xuống tuyến-dải một lời thôi !... một lời ân-xá thốt tự miệng anh làm một hương hoa cho hồn em tắm-ướt.

“Rồi em nhắm mắt cũng ngậm cười.”

— “Em cứ yên tâm. Chẳng những tôi không quyền gì quở-trách nhau, mà lại còn phận sự dắt-dẫn em vào Chánh-tín.

“Xin em khá hồi đầu hướng thiện, qui ngưỡng nơi đức Thế-Tôn (s). Vì chỉ có đạo-pháp Ngài thanh tịnh vô-vi mới cứu-vớt chúng-sanh khỏi vòng mê-hoặc.

“Mỗi niệm A-di-đà xua đuổi bao đục-vọng ; sáng thay hồng-danh Phật... ! cái khẩu lệnh cho lúc lâm-chung khủng khiếp — ma chặn lối quỷ ngăn đường — con người đương nguy-khốn trong Hắc-ám gọi mở cửa Từ-bi...

“Nam mô A-di-đà Phật.”

Liên nhu tiếng dội, bà chấp tay ngay ngực, nhái theo :

“Nam mô A-di-đà Phật.”

Môi bà nở nụ hân hoan ; má đào hây hây ; sóng thu lóng lánh. Trên vẻ xinh tươi phớt làn son e-lệ, bà hồi dương phục sắc, đẹp tựa vị tân-giai-nhân !

Cô dâu của Phật sắp sửa về nhà chồng ! Nhưng thay vì trang-vật sính nghi, món quà chú-rể trao rước nàng duy bằng mười tám hạt (6) bồ-đề, u-năn, thô-kệch.

Bà thành-kính đỡ lấy xâu chuỗi, lần niệm tới hạt chót..., bèn trực thị đi xuôi...

Ngọc-Oanh phu nhơn đã ra người thiên-cổ.

Nhơn cái thác trong sạch, trọn với thế, bà xuất giá và cũng là xuất-gia... !

(s) Phật là bậc tôn trọng trong ba cõi, nên xưng là Thế-tôn.

« Trong ba cõi bốn loài, không có trí-huệ phước-đức nào « sánh-bì cho kịp. Thực là đáng bậc tôn-trọng của cả thầy « thế-gian. » (Kinh “Kim-Cang”.)

(6) Có lẽ chỉ vào thập bát giới: lục căn, lục trần, lục thức.

.....
Căn phòng vụt chớp ngọn hào-quang ; sư Sơn-Huệ có cảm-giác rằng bà vừa liễu-đạo.

Vuốt qua mắt bạn, thấy khế đặt lên trán lạnh miếng hôn trinh-khiết nồng-nàn...

Không đành trông tấn thảm-kịch nhúng-nhẳng dang-dai và cũng e can-phạm đến danh-tiết bà, chú Trung nắm kéo vạt áo trắng, hối thầy mau lui gót.

Thầy rút ra chẳng khác chiếc thuyền rời bến ; thôi từ đây tang lòng mãn kiếp ! nghìn trùng sóng gió khảm sâu thương... !

X

Lễ tổng chung Ngọc-Oanh phu-nhơn cử-hành trưa mừng chín, hôm sau. Theo di-chức bà, đám táng rất đơn sơ : không trống kèn, không phúng điếu.

Cô Ngọc-Lan mặc đại tang đi trước phò giá-triệu ; cạnh linh xa, chồng cô nghiêng dù che nắng, hộ vệ cho cậu trai — quyền đích-tôn thừa tự — dây rơm mũ bạc ngồi dựa quan-tài.

Chùng mườì thân-quyến nối đuôi nhau ; rớt hết là chú Trung tay bung thúng tay rắc giấy tiền vàng-bạc.

Tới huyệt đạo-tì hạ rộng ; lần lượt trên nắp hòm chưa lấp đất, mỗi người đều bỏ xuống một cánh hoa, một nhúm cát... gọi cáo biệt chia đường...

Xong họ lượ thụt ra về ; bóng chiều ử-rũ, giọng trùng tử-tê. âm-khí như un trùn nghĩa địa.

Có ai để ý đến một thầy sãi, bị mo gậy trúc, đứng nhìn trộm từ đầu mùa chí cuối... mãi tận đặng xa... ?

.....
Đêm càng khuya ! Hiu hiu gió thổi quanh mả ; những gốc nhang-đèn còn ngún từng chỗ bốc cháy lên, tàn bay lập-lòe rõ giống ma trôi lửa đóm.

Có ai vắng nghe tiếng ở đâu nỉ-non thê-thảm... ! phải chăng tiếng con chim nhạn lạc bầy kêu sương :

— “Tôi đây ! Ngọc-Oanh !”

— CHUNG —

Hà-tiên — Trà-vinh
(..... — 1943)

Imprimerie BIARD & FILS
3, Rue des Grands-Augustins
Paris
Dépôt légal 2^e trimestre 1952
